|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***22/4/2024***  ***25/4/2024*** | ***22/4/2024***  ***25/4/2024*** |
| ***14/4/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***4/2*** | ***5/5*** |
| **Lớp** | ***7A*** | ***7B*** |

|  |
| --- |
| **BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**  **Tiết 125, 126**  **ĐỌC, HIỂU VĂN BẢN**  **GHE XUỒNG NAM BỘ**  **( Theo Minh Nguyên)** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản “*Ghe xuồng Nam Bộ”*.

+ Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin theo nhóm đối tượng;

+ Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản;

+ Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản;

+ Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo dùng trong văn bản

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề trong văn bản.

**2. Về năng lực**

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bạn thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng đọc thể loại văn bản thông tin, trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm hoc tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiệnnhiệm vụ học tập.

**3. Về phẩm chất**

- Thích tìm hiểu, khám phá phương tiện đi lại, vận chuyển và tôn trọng các quy định về an toàn giao thông; trân trọng giá trị văn hóa của mỗi vùng miền.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị: Máy chiếu, ti vi

2. Học liệu: Tư liệu về tác giả, tác phẩm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG 1.MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Cách 1: Khai thác hiểu biết của HS để dẫn dắt vào bài học:

– Em biết những phương tiện đi lại nào mang tính đặc trưng của người dân ở mỗi vùng miền trên đất nước ta? Trong số đó, em thích phương tiện nào nhất? Vì sao?

Cách 2: Cho HS theo dõi 1 clip giới thiệu về chợ nổi Cái Giăng, ở Cần Thơ: theo đường link [**https://youtu.be/YCNBqto80o0**](https://youtu.be/YCNBqto80o0)



Sau khi xem các hình ảnh về chợ nổi, em có cảm xúc gì? Người dân Nam Bộ đã sử dụng loại phương tiện nào khi tham gia các phiên chợ nổi?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS xem, suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS suy nghĩ, trình bày, chia sẻ, trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn, nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào văn bản, xâu chuỗi, dẫn vào bài.

**Cách 1:** HS chia sẻ hiểu biết về các những phương tiện đi lại mang tính đặc trưng của người dân ở mỗi vùng miền trên đất nước ta như: Miền Nam Bộ đi lại bằng ghe, thuyền; đồng bào miền núi phía Bắc di chuyển bằng ngựa, trâu;vùng Tây Nguyên xưa người dân lại di chuyển bằng voi, …

Ngày nay, do xã hội ngày càng phát triển, người dân dùng nhiều phương tiện như xe đạp, xe điện, xe ô tô, tàu hỏa, máy bay, …

HS chia sẻ về loại phương tiện yêu thích và lí giải lí do yêu thích…

Ví dụ:

* Em thích được sử dụng phương tiện như voi, vì đây là trải nghiệm thú vị, thể hiện những bản sắc độc đáo của đồng bào ở Tây Nguyên.
* Em thích xe đạp vì rất tiện lợi khi sử dụng, không tốn nhiên liệu, gần gũi với thiên nhiên, lại bảo về sức khỏe, …

**Cách 2:**

* HS bày tỏ cảm xúc khi biết về nét đẹp trong văn hóa miền sông nước Nam Bộ: Ngỡ ngàng, thích thú, khâm phục, tự hào,…khi biết về chợ nổi ở cần Thơ.
* HS nhận biết được các phương tiện mà người dân sử dụng ở chợ nổi là ghe, xuồng,…

GV giới thiệu văn bản:

*Các em ạ, từ xa xưa cho đến ngày nay, mỗi một vùng miền trên đất nước ta đều có nét đặc trưng riêng về phong tục, văn hóa, và về cả nếp sinh hoạt hàng ngày. Hôm nay, chúng ta sẽ được đến thăm vùng đất Nam Bộ để tìm hiểu về các phương tiện di chuyển chủ yếu của người dân nơi đây. Trong mênh mang sông nước, với nhiều kênh rạch chằng chịt, người dân Nam Bộ sớm đã sáng tạo ra nhiều phương tiện di chuyển. Và chính điều đó đã mang đến cho mảnh đất Nam Bộ một vẻ đẹp độc đáo, một nét văn hóa riêng biệt của miền sông nước. Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về thể loại văn bản thông tin qua văn bản “Ghe xuồng Nam Bộ”*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**:

- Giúp học sinh nắm được kiến thức Ngữ văn của văn bản thông tin.

- Giúp HS nêu được những nét chính tác giả và tác phẩm.

- Biết được những nét chung của văn bản: thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

- Gv hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.

- HS nắm được nội dung và nghệ thuật và của từng phần trong văn bản.

**b. Nội dung.**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

-Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức hoạt động**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích, bình giảng, nêu vấn đề

- Kỹ thuật: Động não.

**PHIẾU HỌC TẬP 01**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Cước chú** | **Tài liệu tham khảo** |
| Vị trí | ……………………………. | ……………………………. |
| Tác dụng | ……………………………. | ……………………………. |
| Chỉ ra vị trí của cước chú và tài liệu tham khảo ở văn bản “*Ghe xuống Nam Bộ”?* | …………………………….  …………………………….  …………………………….  ……………………………. | …………………………….  …………………………….  …………………………….  ……………………………. |

**PHIẾU HỌC TẬP 03**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu về cách triển khai ý tưởng và thông tin văn bản “*Ghe xuồng Nam Bộ”*** | | |
| *Người viết chọn cách nào để triển khai ý tưởng và thông tin văn bản?* | *Chỉ ra những biểu hiện cụ thể của cách triển khai ấy?* | *Nhận xét về hiệu quả của cách triển khai ấy?* |
| ...........................................  ...........................................  ........................................... ........................................... | ...........................................  ...........................................  ........................................... ........................................... | ...........................................  ...........................................  ........................................... ........................................... |

**PHIẾU HỌC TẬP 04**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Tìm hiểu về các loại xuồng ở Nam Bộ** | | |
|  |  | Đặc điểm | Nhận xét về cách giới thiệu  của tác giả |
| **1** | Xuồng ba lá | ...........................................................  .......................................................... | ...................  ................  ................  ................  ................ ................  ...................  ................  ................ |
| Xuồng tam bản | ...........................................................  .......................................................... |
| **2** | Xuồng vỏ gòn | ...........................................................  .......................................................... |
| Xuồng độc mộc | ...........................................................  .......................................................... |
| Xuồng gắn máy | ...........................................................  .......................................................... | .................. |

**PHIẾU HỌC TẬP 05**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu về các loại xuồng ở Nam Bộ** | | | |
| **Nhóm** | **Phân loại** | **Đặc điểm** | **Nhận xét về cách giới thiệu của tác giả** |
| 3 | Ghe bầu | ...........................................................  .......................................................... | ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ………………………  ……………………… |
| Ghe lồng | ...........................................................  .......................................................... |
| Ghe chài | ...........................................................  .......................................................... |
| Ghe cào tôm | ...........................................................  .......................................................... |
| 4 | Ghe ngo | ...........................................................  .......................................................... |
| Ghe hầu | ...........................................................  .......................................................... |
| Các loại khác | ...........................................................  .......................................................... |

**PHIẾU HỌC TẬP 06**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Nơi xuất bản | Năm xuất bản |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |
| 11 |  |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 07**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu về cước chú trong văn bản** | | |
| *Chỉ ra các cước chú được văn bản dùng?* | *Các cước chú ấy có mục đích gì?* | *Em có cần chú thích thêm những từ ngữ, kí hiệu nào khác không?* |
| ...........................................  ........................................... ........................................... | ...........................................  ........................................... ........................................... | ...........................................  ........................................... ........................................... |

**DỰ KIẾN KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP 06**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Nơi xuất bản | Năm xuất bản |
| 1 | Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (Chủ biên) | *Văn hóa & dân cư đồng bằng sông Cửu Long* | NXB Khoa học xã hội, Hà Nội | 1990 |
| 2 | Nguyễn Hữu Hiệp | *Sông núi quê nhà* | Hội Văn học nghệ thuật An Giang | 1993 |
| 3 | Nguyễn Hữu Hiệp | *An Giang văn hóa một vùng* | NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội | 2003 |
| 4 | Sơn Nam | *Bến Nghé xưa* | NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh | 1981 |
| 5 | Nhiều tác giả | *Địa chí Cần Thơ* | Tỉnh ủy- Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ | 2002 |
| 6 | Nhiều tác giả | *Địa chí An Giang* | Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang | 2013 |
| 7 | Thạch Phương, Hồ Lê, Huỳnh Lứa, Nguyễn Quang Vinh (Chủ biên) | *Văn hóa dân gian người Việt ở Nam Bộ* | NXB Khoa học xã hội | 1992 |
| 8 | Thạch Phương, Lưu Quang Tuyến (Chủ biên) | *Địa chí Long An* | NXB Long An- NXB Khoa học xã hội | 1989 |
| 9 | Huỳnh Ngọc Trảng | *Vè Nam Bộ* | NXB Đồng Nai | 1998 |
| 10 | Huỳnh Ngọc Trảng (Chủ biên) | *Địa chí Đồng Nai, tập IV* | NXB Tổng hợp Đồng Nai | 2001 |
| 11 | Phan Thị Yến Tuyết (Chủ biên) | *Xóm nghề và nghề thủ công truyền thống Nam Bộ* | NXB Trẻ , Thành phố Hồ Chí Minh | 2002 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV yêu cầu HS theo dõi SGK tr.73, đọc thầm phần *Kiến thức ngữ văn* và trình bày các thông tin đã chuẩn bị  Hình thức: cặp đôi chia sẻ để hoàn thành **phiếu học tập 01.**  **NV1:**  *-* Trong văn bản thông tin, người viết có thể triển khai ý tưởng và thông tin bằng cách nào và nhằm mục đích gì?  **NV2:** Sau đó HS tiếp tục hoàn thành **phiếu học tập 01.**  *- Trong văn bản thông tin, cước chú và tài liệu tham khảo thường được xuất hiện ở vị trí nào? Việc tìm hiểu các cước chú và tài liệu tham khảo sẽ đem lại hiệu quả gì cho người đọc?*  - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  NV3: *Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong một văn bản là gì?* V*iệc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin có tác dụng như thế nào? Lấy ví dụ minh họa? Trong đó, loại hình nào được sử dụng nhiều nhất?*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và chuẩn kiến thức: | **I. KIẾN THỨC NGỮ VĂN:**  **1. Triển khai ý tưởng và thông tin theo các đối tượng được phân loại**  Trong văn bản thông tin, người viết có thể triển khai ý tưởng và thông tin bằng cách phân loại đối tượng thành nhiều loại nhỏ để giới thiệu, thuyết minh, giải thích.  **2. Cước chú, tài liệu tham khảo**  - Cước chú là lời giải thích ghi ở chân trang hoặc cuối văn bản về từ ngữ, kí hiệu hoặc xuất xứ của trích dẫn,…trong văn bản (có thể chưa rõ với người đọc)  - Tài liệu tham khảo là những tài liệu được người viết  (người nói) xem xét, trích dẫn để làm rõ hơn nội dung, đối tượng được đề cập đến trong văn bản, giúp cho thông tin được trình bày  trong văn bản thêm phong phú thuyết phục. Tài liệu tham khảo thường được ghi ở cuối bài viết hoặc cuối chương hay cuối sách.  **3. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ**  - **Phương tiện phi ngôn ngữ:** là tranh ảnh, hình vẽ, sơ đồ, bảng biểu, kí hiệu,…phối hợp với lời văn (phương tiện ngôn ngữ) mà người viết thường sử dụng trong một văn bản, đặc biệt là văn bản thông tin.  **- Mục đích:** để cung cấp thông tin cho người đọc. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -HS luyện đọc.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  **-**HS đọc văn bản  - HS nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét , đánh giá, sửa lỗi sai cho HS.  - GV chuyển mục tiếp: tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. | **II. ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Đọc** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn 5 phút thống nhất phần chuẩn bị phiếu học tập số 2 (đã chuẩn bị ở nhà) theo bàn?   |  |  | | --- | --- | | Giới thiệu về tác giả | **-**Năm sinh  -Quê quán  -Sự nghiệp | | Xuất xứ ? Đề tài, đối tượng thuyết minh? phương thức biểu đạt ? |  | | Đặc điểm thể loại? |  | | Bố cục của văn bản? |  |   **GV** yêu cầu Hs thảo luận nhóm bàn 5 phút thống nhất phần chuẩn bị phiếu học tập số 2 theo bàn?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.**  + Học sinh suy nghĩ xung phong trả lời câu hỏi  + Giáo viên khích lệ học sinh trả lời bài  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Học sinh trả lời câu hỏi.  + Học sinh khác nghe, phát biểu bổ sung.  **Bước 4. Kết luận,nhận định.**   * GV đánh giá phần trả lời củaHS.   Giáo viên chiếu chân dung nhà văn và một số tác phẩm chính của ông và giới thiệu thêm thông tin về tác giả | **2.Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Minh Nguyên.  **b.Tác phẩm**  **a. Xuất xứ:** Theo MINH NGUYEN, chonoicantho.vn  **b. Thể loại:** văn bản thông tin  **- Phương thức biểu đạt chính:** thuyết minh  **c. Đối tượng thuyết minh:** Ghe xuồng Nam Bộ.  **d. Mục đích của văn bản:** giới thiệu về các loại ghe, xuồng ở Nam Bộ. Các nội dung trình bày trong văn bản đã làm sáng tỏ mục đích ấy từ khái quái đến cụ thể, chi tiết.  **e. Đề tài:** Văn bản viết về sự đa dạng, phong phú của các loại ghe, xuồng Nam Bộ.  **h. Bố cục:** *Gồm 4 phần:*  - **Phần 1**: Từ đầu đến “*chia thành nhiều loại*”: **Giới thiệu về sự đa dạng của các loại ghe xuồng ở Nam Bộ**  **- Phần 2**: Tiếp theo đến “*trong giới thương hồ*”: **Tác giả giới thiệu các loại xuồng và đặc điểm của từng loại**  **- Phần 3** : Tiếp theo đến “*Bình Đại (Bến Tre) đóng*”: **Tác giả giới thiệu các loại ghe và đặc điểm của từng loại**  - **Phần 4**: Còn lại: **Giá trị của các loại ghe, xuồng đối với kinh tế và văn hóa của người dân Nam Bộ.** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm nhỏ, thời gian 7 phút **phiếu học tập số 03**  - Người viết đã chọn cách nào để triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản?  - Chỉ ra những biểu hiện cụ thể của cách triển khai ấy?  *- Nhận xét về hiệu quả của cách triển khai ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **III. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN**  **1. Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản:**  - Người viết đã chọn cách **triển khai ý tưởng và thông tin theo hướng phân loại đối tượng thành các loại nhỏ để giới thiệu, giải thích đầy đủ.**  **Cụ thể:**  **+ Phần 2: Tác giả thuyết minh về các loại xuồng:** xuồng ba lá, xuồng tam bản, xuồng vỏ gòn, xuồng độc mộc, xuống gắn máy.  **+ Phần 3: Tác giả giới thiệu về các loại ghe:** ghe bầu, ghe lồng, ghe chải, ghe cào tôm, ghe ngo, ghe hầu, ghe câu Phú Quốc, ghe cửa Bà Rịa, ghe lưới rừng Phước Hải  - Hiệu quả của cách triển khai ý tưởng và thông tin của văn bản:  + Giúp người đọc có thông tin đầy đủ về đối tượng thuyết minh; người đọc sẽ dễ hiểu, dễ nhớ những tri thức về đối tượng thuyết minh  + làm cho bài viết được rõ ràng mạch lạc. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV dùng **kĩ thuật mảnh ghép** để HS thực hiện nhiệm vụ  **Vòng 1: Nhóm chuyên gia: (8 phút)**  - Gợi ý  + *Trong phần (1) người viết đã cung cấp những thông tin cơ bản nào?*  *+ Trong phần (2), (3) có mấy đối tượng được nhắc đến? Đó là những đối tượng nào? Nêu ngắn gọn những đặc điểmcơ bản của từng đối tượng?*  *+ Nhận xét về cách tác giả thuyết minh và hiệu quả của nó?*  *HS thực hiện phiếu học tập 4, 5*  ***Nhóm 1,2 thực hiện phiếu học tập 4***  ***Nhóm 3,4 thực hiện phiếu học tập 05***  **\* Vòng 2: Nhóm mảnh ghép (8 phút)**  **- Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới**  **+ Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu**.  **Giá trị của ghe xuống Nam Bộ:**  ***?*** *Qua văn bản, các kiến thức mà tác giả cung cấp về ghe, xuồng ở Nam Bộ đã nói lên điều gì?*  ***?*** *Tìm hiểu thêm từ nhiều nguồn thông tin khác nhau để nêu một số nét thay đổi về phương tiện đi lại, vận chuyển hiện nay của vùng sông nước Nam Bộ****?***  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.    **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm. | **2.Nội dung thông tin của văn bản**  **a. Thông tin cơ bản:** Ghe xuồng Nam Bộ rất đa dạng, phong phú và nhiều kiểu loại.  **b. Thông tin chi tiết**  **b1. Xuồng ở Nam Bộ:**   |  |  | | --- | --- | | **Phân loại** | **Đặc điểm** | | Xuồng ba lá | - Chiều dài trung bình 4m, rộng 1m, sức chở từ 4-6 người.  - Làm bằng ba tấm ván gỗ dài ghép lại  - Dùng sào nạng và bơi chèo để đi lại. | | Xuồng tam bản | - có 4 bơi chèo, dùng để chuyên chở nhẹ;  - Có loại thon dài, lại thêm mui ống, dáng đẹp  - Số lượng tấm ván be không chỉ có 3 mà có thể là 5, 7, hoặc 9 tấm.  - Dùng để đi câu tôm, cào tôm. | | Xuồng vỏ gòn | - Kích thước nhỏ, kết cấu đơn giản, kiểu dáng gọn nhẹ;  - để đi lại, chuyên chở, trao đổi, buôn bán. | | Xuồng độc mộc | - Do người Khơme làm bằng cách chẻ dọc thân cây thốt nốt, khoét rỗng ruột hoặc mua xuồng độc mộc thân gỗ sao, sến ở Campu chia và Lào. | | Xuồng máy | - Gắn máy nổ và chân vịt như xuồng máy đuôi tôm là loại phương tiện rất “cơ động”, phổ biến ở vùng sông nước này, nhất là trong giới thương hồ. |   **b 2. Ghe ở Nam Bộ**   |  |  | | --- | --- | | **Phân loại** | **Đặc điểm** | | Ghe bầu | - Mũi và lái nhọn, bụng phình, có trọng tải lớn; chạy buồm, có nhiều chèo để đi trên sông, trên biển  Ngày.  - Tên gọi khác: ghe trường đà | | Ghe lồng | - Mũi dài, có mui che nắng, trọng tải lớn, dùng vận chuyển hàng hóa dọc bờ biển.  - Tên gọi khác: ghe bản lồng | | Ghe chài | - To chở nhiều nhất, có mui kiên cố, hai tầng.  - Sức chở đến 300 tấn; dùng tàu để kéo ghe chài;  - Dùng để buôn bán xa, thường dùng chở gạo, than củi. | | Ghe cào tôm | - Đầu mũi dài, khá phẳng, có bánh lái gập bên hông.  - Dùng để cào tôm. | | Ghe ngo | - loại ghe nhiều màu sắc của dân tộc Khmer; làm bằng cây sao, dài 30m, không mui,..  - dùng trong các lễ hội, chở đến 50 tay chèo. | | Ghe hầu | - dành cho cai tổng, tri phủ, tri huyện. | | Các loại khác | Ghe câu Phú Quốc  Ghe cửa Bà Rịa  Ghe lưới rùng Phước Hải  Ghe Cửa Đại  - Dùng để chuyên chở, đánh bắt thủy hải sản. |   **- Nhận xét về cách tác giả giới thiệu:**  + Chủ yếu là biện pháp liệt kê, ngôn ngữ rõ ràng, khúc triết giúp người đọc hình dung ra đặc điểm của mỗi loại xuồng, ghe.  + Tác giả giới thiệu cụ thể, chính xác qua từng con số về đặc điểm từng loại xuồng, phương thức chế tạo và cách sử dụng từng loại.  + Chú ý đến hiệu quả mà mỗi loại xuồng mang lại.  => Tri thức mà tác giả cung cấp vô cùng phong phú, thể hiện sự am hiểu, khám phá rất công phu về ghe xuồng ở Nam Bộ.  - Thể hiện tình yêu, sự gắn bó của tác giả với cuộc sống của người Nam Bộ.  **c. Giá trị của ghe, xuồng nam Bộ:**   - Là công cụ công phu, thể hiện quá trình lao động đầy sáng tạo trong quá trình lao động sản xuất của người dân Nam Bộ.  - Ghe xuồng mag lại giá trị to lớn cho con người đặc biệt ở Nam Bộ  - Ghe xuồng mang theo giá trị văn hóa đặc sắc, chứa đựng tinh hoa văn hóa dân tộc, gắn với nét đặc trưng của vùng, miền sông nước của bà con vùng đồng bằng sông Cửu Long. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn. Hoàn thành **phiếu học tập 06** (phiếu A0) trong thời gian 05 phút:    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS bầu nhóm trưởng, thư kí.   - HS trong từng nhóm ghi lại câu trả lời của mình vào xung quanh bảng phụ, sau đó, nhóm thống nhất ‎ý kiến và ghi vào chính giữa. - GV quan sát, hướng dẫn học sinh.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -  Các nhóm treo sản phẩm thảo luận của mình lên bảng phụ.  - GV gọi đại diện nhóm 1 báo cáo.. - HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung. - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **\* Tìm hiểu về tài liệu tham khảo:**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ:  - GV nêu câu hỏi cho HS thảo luận theo cặp để tìm câu trả lời câu hỏi vào **Phiếu HT số 07**  GV gợi ý:   * *Các tài liệu tham khảo được tác giả xếp theo thứ tự nào?* * *Mục tài liệu tham khảo trong văn bản có mục đích gì?*   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công.  - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS lên trình bày.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng cặp, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý, chuyển sang phần III | **3. Cước chú và tài liệu tham khảo**  **a. Cước chú**  - Trong văn bản sử dụng 2 cước chú:  + Cước chú (i) (tr.77, sgk): ***Tam bản***: *xuất xứ từ tiếng Hoa “xam bản”, người Pháp phiên âm thành “xampan”*  =>giải thích xuất xứ của từ ngữ bắt nguồn từ đâu, có cách phát âm gốc ra sao và nguồn gốc của cước chú này.  + Cước chú (ii): (tr.78, sgk) ***Chài****: xuất xứ từ tiếng “pok chài”của người Chiều Châu, Trung Quốc* ***(pok****: nhiều****; chài****: tải****). Ghe chài:*** *loại ghe có sức tải lớn.*  => giải thích nguồn gốc của tiếng từ ngữ , nghĩa của từ ngữ.  **- Vai trò của cước chú:** giải thích những từ ngữ khó, có thể người đọc chưa rõ; giúp việc tiếp cận thông tin thuận lợi hơn.  **b. Tài liệu tham khảo**  - Mỗi đơn vị tài liệu tham khảo cần đưa ra các loại thông tin chi tiết cần thiết: tên tác giả, tên tài liệu, nơi xuất bản, năm xuất bản.  - Tài liệu tham hảo được sắp xếp theo trình tự từ tham khảo nhiều đến tham khảo ít.  => **Tác dụng của tài liệu tham khảo:**  + Bảo đảm quy cách khi viết kiểu văn bản.  + Khẳng định các nội dung trong văn bản được tác giả nghiên cứu, tìm hiểu cặn kẽ. Làm rõ ràng hơn thông tin mà tác giả nêu trong văn bản.  + Tăng độ tin cậy của các thông tin trong VB và tạo cơ hội cho người đọc tra cứu tìm hiểu thêm khi có nhu cầu. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***+*** *Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB Ghe xuồng Nam Bộ?*  *+ Từ đó, em thấy ghe xuống Nam Bộ có vai trò như thế nào trong đời sống của con người? Văn bản khơi gợi cho em cảm xúc gì?*  *+ Hãy rút ra cách đọc hiểu văn bản thông tin?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **IV. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Tri thức được chọn lọc tiêu biểu, chính xác, khoa học, rõ ràng, rành mạch.  - Cách triển khai ý tưởng và thông tin văn bản phù hợp, dễ hiểu, dễ tiếp nhận.  - Cước chú và tài liệu tham khảo, phù hợp.  - Ngôn ngữ giản dị, ngắn gọn, xúc tích  - Kết hợp thuyết minh với miêu tả đặc sắc giúp người đọc dễ dàng hình dung về đối tượng.  - Sử dụng phép tu từ liệt kê đã nhấn mạnh sự phong phú và đa dạng của đối tượng.  **2. Nội dung**  **-** Văn bản cho thấy sự phong phú về các phương tiện sông nước của vùng Nam Bộ. Ghe xuồng vừa là một loại phương tiện vô cùng hữu hiệu, nó còn gắn bó vô cùng mật thiết với cư dân vùng sông nước, lại vừa ẩn chứa bên trong những giá trị văn hóa vô cùng độc đáo.  - Tìm hiểu về ghe xuồng Nam Bộ, tác giả gửi gắm tình, sự trân trọng bản sắc văn hóa dân tộc; khơi gợi niềm thích thú để khám phá những vẻ đẹp văn hóa dân tộc. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng, đủ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Câu 1.** Tìm hiểu thêm từ nhiều nguồn thông tin khác nhau để nêu một số nét thay đổi về phương tiện vận chuyển, đi lại hiện nay của vùng sông nước Nam Bộ.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

HS hoạt động cá nhân thực hành tìm hiểu thông tin khác nhau để nêu nét đổi thay về phương tiện vận chuyển, đi lại của vùng Nam Bộ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS trình bày về nội dung đã tìm hiểu ở nhà

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận :** GV chụp kết quả, chiếu lên ti vi để cả lớp cùng theo dõi

**Bước 4.** **Kết luận, nhận định**

**Dự kiến sản phẩm:**

* Hiện nay, người dân Nam Bộ đã sử dụng thêm một số loại phương tiện vận chuyển hiện đại trong sinh hoạt và lao động như xe mô – tô hay xuồng gắn máy,…

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung**: Viết tích cực

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời, bài viết của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật công não.  HS HĐ cá nhân tiến hành lập dàn ý, viết đoạn văn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS hoạt động cá nhân lập dàn ý, viết đoạn văn   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | **Câu 2: Hãy tưởng tượng em được tham gia một phiên chợ nổi ở Nam Bộ và được ngắm khung cảnh ghe xuống tấp nập trên sông nước, em có cảm xúc như thế nào? Viết đoạn văn khoảng 5 – 7 câu thể hiện cảm xúc của em.**  \* Nội dung đoạn văn: **cảm xúc của bản thân khi được đi tham quan chợ nổi và ngắm khung cảnh ghe xuống tấp nập trên sông nước**  *+ Cảm xúc: thú vị, xúc động, ngỡ ngàng, tự hào, khâm phục, …*  *+ Lí do: Cảm nhận nét đẹp, khung cảnh bình yên, con người thân thiện, nông sản phong phú, nhiều ghe xuống tấp nập ngược xuôi, … .*  *+ Cần giữ gìn phát huy giá trị của ghe xuồng, giữ gìn tryền thống văn hóa tốt đẹp này.*  \* Hình thức đoạn văn: Đảm bảo hình thức đoạn văn, tránh sai sót về chính tả, ngữ pháp. |

**Rubric đánh giá viết đoạn văn theo chủ đề**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Đoạn văn có chủ đề: cảm xúc của bản thân khi được đi tham quan chợ nổi và ngắm khung cảnh ghe xuống tấp nập trên sông nước.**  *(10 điểm)* | Nội dung đoạn văn còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả, ngữ pháp.  *( 5 – 6 điểm)* | Nội dung đoạn văn tương đối chi tiết; trình bày cảm xúc ban đầu khi ngắm nhìn chợ nổi  *(7- 8 điểm)* | Nội dung đoạn văn chi tiết; trình bày được suy nghĩ riêng có sức thuyết phục về chủ đề, diễn đạt sáng tạo, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.  *(9- 10 điểm)* |

**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

+ Về nhà hoàn thành các bài tập.

+ Nắm được các nội dung đã học.

+ Soạn bài: Tổng kiểm soát phương tiện giao thông / 80-81

- Đọc văn bản, tìm hiểu tác giả, tác phẩm, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài?

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***25/4/2024***  ***27/4/2024*** | ***26/4/2024*** |
| ***14/4/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***3/4*** | ***3/4*** |
| **Lớp** | ***7A*** | ***7B*** |

|  |
| --- |
| **BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**  **Tiết 127, 128**  **ĐỌC, HIỂU VĂN BẢN**  **TỔNG KIỂM SOÁT PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG**  (Theo infographics.vn) |

**I.MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin “*Tổng kiểm soát phương tiện giao thông*”:

+ Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin theo nhóm đối tượng;

+ Chỉ ra được nhan đề, sapo, thông tin chính của văn bản qua bản đồ họa.

- Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.

- Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.

**2. Về năng lực**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập.

**3. Về phẩm chất**

- Thích tìm hiểu, khám phá phương tiện đi lại, vận chuyển và tôn trọng các quy định về an toàn giao thông;

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị: Máy chiếu, ti vi.

2. Học liệu: Tư liệu, tranh ảnh liên quan tới tác giả, tác phẩm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối,tạo hứng thú cho HS, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS trao đổi nhóm chia sẻ, suy nghĩ nguyên nhân của các vi phạm giao thông

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv cho HS xem vi deo, chú ý quan sát để tìm nguyên nhân có thể gây tai nạn giao thông.

Đường link vi deo: [**https://youtu.be/1WVO9ROEnws**](https://youtu.be/1WVO9ROEnws)

- GV tổ chức trò chơi “**Tiếp sức cùng đồng đội**”

Chọn 2 đội chơi, trong thời gian 2 phút, HS của mỗi đội sẽ xếp 2 hàng, lần lượt các thành viên trong đội sẽ nối tiếp nhau viết các nguyên nhân gây tai nạn giao thông (không được trùng nhau), đội nào viết được hơn thì đội đó chiến thắng.

Đội thua sẽ của đại diện hát một bài.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, sau đó chia sẻ trải nghiệm bản thân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ, trình bày cởi mở những suy nghĩ, hiểu biết của bản thân.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**-** GV nhận xét thái độ làm việc, câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

Gợi ý các nguyên nhân gây tai nạn giao thông:

* Do người dân chưa tập trung, để ý khi tham gia giao thông, chưa hiểu rõ về luật lệ an toàn giao thông
* Ý thức tham gia giao thông còn kém do không học luật, do thích thể hiện: đua xe, vượt đèn đỏ, lạng lách, đánh võng, đi ngược chiều, chạy ẩu, đi hàng đôi hàng ba…
* Sử dụng rượu bia trước khi lái xe cũng là một nguyên nhân khác cần nhắc đến
* Phớt lờ biển báo, đèn tín hiệu giao thông
* Suy nghĩ rẳng chỉ cần chạy đàng hoàng khi có công an còn những lúc khác không cần

- Do đường xá xuống cấp.

**- GV dẫn vào bài:** *Các em ạ, tai nạn giao thông là một vấn nạn, một thách thức không nhỏ không chỉ của Việt Nam và là của hầu hết các quốc gia trên toàn thế giới. Vậy làm thế nào để được an toàn khi tham gia giao thông là trách nhiệm của mỗi cá nhân và toàn xã hội. Văn bản “Tống kiểm soát phương tiện giao thông” sẽ cho chúng ta những kiến thức bổ ích để tránh tai nạn giao thông. Chúng ta cùng tìm hiểu!*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**:

- Giúp HS nêu được những nét chính tác giả và tác phẩm.

- Biết được những nét chung của văn bản: thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

- Gv hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.

- HS nắm được nội dung và nghệ thuật và của từng phần trong văn bản.

**b. Nội dung.**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

-Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức hoạt động**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích, bình giảng, nêu vấn đề

- Kỹ thuật: Động não.

**PHIẾU HỌC TẬP 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu nhan đề và sapo của văn bản** | |
| *Nhan đề của văn bản cho biết thông tin gì?* | ...........................................  ........................................... |
| *Việc tổng kiểm soát phương tiện giao thông diễn ra vào thời gian nào?* | ...........................................  ........................................... |
| *Trong thời gian đó, có bao nhiêu người điều khiển phương tiện tham gia giao thông bị xử phạt? Con số đó phản ánh thực tế vấn đề vi phạm giao thông hiện nay thế nào?* | ...........................................  ........................................... |
| *Nêu ý nghĩa nhan đề văn bản?* | ...........................................  ........................................... |

**PHIẾU HỌC TẬP 03**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu về cách triển khai ý tưởng và thông tin văn bản** | | |
| *Văn bản chọn triển khai ý tưởng và thông tin theo cách nào?* | *Chỉ ra những biểu hiện cụ thể của cách triển khai ấy?* | *Nhận xét về hiệu quả của cách triển khai ấy?* |
| ...........................................  ........................................... | ...........................................  ........................................... | ...........................................  ........................................... |

**PHIẾU HỌC TẬP 04**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu thông tin từ bản đồ hoạ**  **PHẦN 1: CÁC TRƯỜNG HỢP VI PHẠM BỊ XỬ PHẠT** | |
| **Câu hỏi** | **Thông tin từ đồ họa** |
| *Các con số in đậm* ***401 027, 61 563*** *và* ***27 293*** *cho biết thông tin gì?* | ...........................................  ........................................... |
| *Các cột cao thấp và màu sắc khác nhau biểu thị điều gì?* |  |
| *Thống kê tên các phương tiện vi phạm bị xử phạt? Phương tiện nào bị xử phạt nhiều nhất trong số các phương tiện tham gia giao thông? Vi phạm đó nói lên điều gì về giao thông ở Việt Nam?* | ...........................................  ........................................... |
| *Bộ Công an có hình thức nào để xử phạt các phương tiện vi phạm?* | ...........................................  ........................................... |

**PHIẾU HỌC TẬP 05**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tìm hiểu thông tin từ bản đồ hoạ**  **PHẦN 2: CÁC LỖI VI PHẠM PHỔ BIẾN** | |
| **Câu hỏi** | **Thông tin từ đồ họa** |
| *Có bao nhiêu lỗi vi phạm phổ biến? Đó là những lỗi nào?* | ...........................................  ........................................... |
| *Vi phạm nào là phổ biến nhất? Vi phạm đó nói lên điều gì về giao thông ở Việt Nam?* |  |
| *Từ bảng thống kê trên, em hãy xác định nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các lỗi vi phạm giao thông?* | ...........................................  ........................................... |

**PHIẾU HỌC TẬP 06**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu về phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản** | | |
| *Văn bản sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ nào?* | *Tác dụng của các phương tiện đó là gì?* | *Em ấn tượng với loại phương tiện phi ngôn ngữ nào có trong văn bản?* |
| ...........................................  ........................................... | ...........................................  ........................................... | ...........................................  ........................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS luyện đọc.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  **-** HS đọc văn bản  - HS nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét , đánh giá, sửa lỗi sai cho HS.  - GV chuyển mục tiếp: tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. | **I.ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Đọc** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn 5 phút thống nhất phần chuẩn bị **phiếu học tập số 1**(đã chuẩn bị ở nhà) theo bàn?   |  |  | | --- | --- | | Giới thiệu về tác phẩm | | | Xuất xứ  Thể loại VB |  | | Mục đích của văn bản? |  | | Bố cục của văn bản? |  | | Giải nghĩa những từ khó: |  |   **GV** yêu cầu Hs thảo luận nhóm bàn 5 phút thống nhất phần chuẩn bị phiếu học tập số 1 theo bàn?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh suy nghĩ xung phong trả lời câu hỏi  + Giáo viên khích lệ học sinh trả lời bài  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Học sinh trả lời câu hỏi.  + Học sinh khác nghe, phát biểu bổ sung.  **Bước 4. Kết luận,nhận định.**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV dẫn vào phần tiếp theo. | **2. Tìm hiểu chung**  **a. Xuất xứ:** infographics.vn  - Đồ họa thông tin (infographic) thường dùng trong văn bản thông tin, là hình thức đồ họa trực quan sử dụng hình ảnh để trình bày thông tin (dữ liệu, kiến thức,...) một cách ngắn gọn và rõ ràng.  - Nguồn cục cảnh sát giao thông Bộ Công an.  **b. Thể loại:** văn bản thông tin  **c. Mục đích của văn bản:**  Cung cấp thông tin về việc xử lí các phương tiện giao thông, người điều khiển phương tiện vi phạm.  **d. Bố cục:**  Chia văn bản thành 2 phần:  - Các trường hợp vi phạm bị xử phạt  - Các lỗi vi phạm phổ biến |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ:  - GV nêu câu hỏi cho HS thảo luận theo cặp để tìm câu trả lời câu hỏi vào **Phiếu HT số 02**   |  |  | | --- | --- | | Nhan đề của văn bản cho biết thông tin gì? |  | | Thời gian: “***15/5 – 14/6/2020”*** nói lên điều gì? |  | | Trong thời gian đó, có bao nhiêu người điều khiển phương tiện tham gia giao thông bị xử phạt? Con số đó phản ánh thực tế vấn đề vi phạm giao thông hiện nay thế nào? |  | | Nhận xét của em về nhan đề văn bản? |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công.  - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS lên trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng cặp, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý, chuyển dẫn sang mục 2 | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN**  **1. Nhan đề:**  - Nhan đề “**Tổng kiểm soát phương tiện giao thông…”** thông báo thông tin chính của văn bản.  - Sa- po:  + Thời gian: “***15/5 – 14/6/2020”***: cho biết thông tin cụ thể về khoảng thời gian việc tổng kiểm soát phương tiện giao thông được diễn ra; khoảng thời gian ngắn.  + Số liệu “***xử phạt hơn 401 000 người điều khiển phương tiện vi phạm***”: đã cho thấy thực tế việc vi phạm an toàn giao thông rất đáng báo động, số lượng bị xử phạt là rất lớn.  =>Ý nghĩa: Nhan đề cho biết những thông tin nội dung chính trong văn bản. Vấn đề an toàn giao thông là một vấn đề cấp thiết, đáng báo động. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm nhỏ, thời gian 7 phút **phiếu học tập số 03**  *- Văn bản chọn triển khai ý tưởng và thông tin theo cách nào?*  *- Chỉ ra những biểu hiện cụ thể của cách triển khai ấy?*  *- Nhận xét về hiệu quả của cách triển khai ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **2. Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản:**  - Văn bản chọn triển khai ý tưởng và thông tin theo cách **phân loại đối tượng và liệt kê các số liệu.**  **Cụ thể:**  **+ Các trường hợp vi phạm bị xử phạt** (lần lượt phân loại phương tiện và liệt kê số liệu)  **+ Các lỗi vi phạm phổ biến**(phân loại từng loại lỗi và liệt kê số liệu)  => Hiệu quả của cách triển khai ý tưởng và thông tin của văn bản:  + Giúp người đọc dễ hiểu, dễ nhớ những tri thức về vấn đề văn bản đề cập  + làm cho nội dung thông tin được rõ ràng mạch lạc. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm theo **kĩ thuật khăn trải bàn**:  *Văn bản sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ nào? Tác dụng của các phương tiện đó là gì?*  Thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn. Hoàn thành **phiếu học tập 06** (phiếu A0) trong thời gian 05 phút:    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS bầu nhóm trưởng, thư kí.  - HS trong từng nhóm ghi lại câu trả lời của mình vào xung quanh bảng phụ, sau đó, nhóm thống nhất ‎ý kiến và ghi vào chính giữa. - GV quan sát, hướng dẫn học sinh.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -  Các nhóm treo sản phẩm thảo luận của mình lên bảng phụ.  - GV gọi đại diện nhóm 1 báo cáo.. - HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung. - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **3. Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản:**  - Văn bản sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ như: Biểu đồ, hình minh họa, biểu tượng,…  - Tác dụng: Việc sử dụng đồ họa, bảng biểu giúp người đọc nắm bắt được thông tin nhanh chóng, logic hơn, tăng sức hấp dẫn cho văn bản. |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Thảo luận nhóm theo bàn:  Nội dung: *Hãy chuyển thông tin về các lỗi vi phạm phổ biến trong bản đồ hoạ trên thành một văn bản chỉ sử dụng kênh chữ.*    **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ:**  - HS ể trao đổi ý kiến, tập đọc trong từng nhóm.  - Chia sẻ với nhóm lớn/cả lớp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  GV gọi một số đại diện các nhóm đọc VB sẻ, trình bày kết quả. .  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **4. Đọc văn bản**  **Phần 1. Các trường hợp vi phạm bị xử phạt**  - Số phương tiện bị xử phạt là 401 027, trong đó có 287 085 xe mô tô, 50 898 xe tải, 32 174 xe con, 14 869 xe khách, 4221 xe container và 11 780 các loại xe khác.  - Số phương tiện bị tạm giữ là 61 563 (gồm 55 110 xe mô tô, 6453 các loại xe khác).   - Số phương tiện bị  tước giấy phép lái xe là 27 293.  **2. Các lỗi vi phạm phổ biến**  Có tất cả 5 lỗi vi phạm chính gồm: không có giấy phép lái xe, vi phạm về tốc độ, có sử dụng rượu , bia khi tham gia giao thông, không chấp hành hiệu lệnh đèn tín hiệu, vi phạm trọng tải. Trong đó có 49 715 thiếu giấy phép lái xe, 33 316 chạy xe quá tốc độ , 20 120 vi phạm về quy định nồng độ cột, 12 231 không chấp hành hiệu lệnh đèn tín hiệu,  5007 vi phạm tải trọng |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***+*** *Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?*  *+ Từ đó, em nhận thức như thế nào về vấn đề an toàn giao thông?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ dễ nắm bắt thông tin, tăng sức hấp dẫn.  - Những số liệu cụ thể, chính xác trình bày mạch lạc, khoa học.  - Triển khai thông tin theo cách phân loại đối tượng và liệt kê các số liệu.  **2. Nội dung**  - Văn bản cung cấp các thông tin về tình trạng giao thông hiện nay tất cụ thể, chính xác,…. Đây là vấn đề đáng lo ngại.  - Văn bản giúp mọi người nâng cao nhận thức khi tham gia giao thông cần chấp hành nghiêm túc các luật lệ, quy định về an toàn giao thông. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Nhiệm vụ 1**: **Trắc nghiệm củng cố**

- GV chia người chơi thành hai đội (mỗi đội khoảng 2 người)

- Có tổng cộng 12 ô chữ số với 10 ô chứa câu hỏi và 2 ô chứa lucky number.

- Mỗi đội lần lượt lựa chọn 1 ô bất kì (2 đội bắt thăm để tìm ra đội chọn số đầu tiên), nếu chọn đúng ô lucky number thì được tự động cộng luôn 10 điểm mà không cần trả lời câu hỏi. Nếu chọn đúng ô chứa câu hỏi, đội chơi phải trả lời câu hỏi, nếu trả lời đúng sẽ được 10 điểm. Nếu trả lời sai, đội chơi không được cộng điểm.

- Sau khi mở hết 12 ô số, đội nào nhiều điểm hơn sẽ giành chiến thắng.

**Bước 2:** GV đọc từng câu hỏi; HS đứng vào vị trí GV hướng dẫn để tham gia trò chơi.

**Bước 3:**  Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và chọn đáp án.

**Bước 4.** GV công bố kết quả. HS thực hiện ở lại hoặc ra khỏi hàng theo quy định.

**Gợi ý nhóm câu hỏi:**

**Câu 1:** **Văn bản *không* sử dụng phương tiện nào để chuyển tải thông tin?**

A. Chữ viết

B. Hình ảnh

C. Đồ thị

**D. Bản đồ**

**Câu 2:**  Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

1. Tự sự
2. Nghị luận
3. **Thuyết minh**
4. Biểu cảm

**Câu 3:** Theo văn bản, loại phương tiện giao thông nào vi phạm nhiều nhất?

A. ô tô

B. Xe máy

C. Xe đạp

###### **D. Xe mô tô**

**Câu 4:** Theo văn bản, số trường hợp vi phạm bị xử lí của mô tô là?

A. 401027

B. 50898

###### **C. 287085**

D.32174

**Câu 5:** Theo văn bản, có bao nhiêu lỗi vi phạm phổ biến.

###### A. 4

**B. 5**

C. 6

D. 7

**Câu 6:** Trong các lỗi vi phạm phổ biến được đề cập trong văn bản, lỗi vi phạm nào lớn nhất?

**A. Giấy phép lái xe**

B.  Tốc độ

C. Quy định về nồng độ cồn

###### D. Tải trọng

**Câu 7:** Khi đèn tín hiệu giao thông màu vàng bật sáng, người điều khiển phương tiện đi chưa đến vạch dừng thì phải làm gì?

A. Tiếp tục đi nhưng phải chú ý quan sát tránh gây tai nạn giao thông

**B. Dừng lại trước vạch dừng.**

C. Được đi tiếp nhưng chỉ được rẽ trái.

D. Được đi tiếp nhưng chỉ rẽ phải.

**Câu 8:** Người điều khiển xe môtô trên 50 phân khối bắt buộc phải có giấy tờ gì ?

a. Giấy phép lái xe

b. Chứng nhận đăng kí xe

c. Bảo hiểm dân sự

**d. Tất cả những giấy tờ trên**

**Câu 9:** Khi gặp một đoàn xe, một xe tang hay một đoàn người có tổ chức đi theo hàng ngũ, người lái xe phải xử lý như thế nào cho đúng quy tắc giao thông?

A. Bóp còi, rú ga để cắt ngang qua;

B. Báo hiệu và từ từ cho xe đi qua để đảm bảo an toàn.

**C. Chờ đoàn xe, đoàn người đi qua hết thì tiếp tục lưu thông**

D. Vẫn đi bình thường

**Câu 10:** Người điều khiển xe môtô hai bánh, ba bánh có dung tích xi lanh từ 50 cm3 trở lên phải đủ bao nhiêu tuổi?

A. 16 tuổi

B. 17 tuổi

**C. 18 tuổi**

D. 20 tuổi

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung**: Viết tích cực

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời, bài viết của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật công não.  **Câu hỏi:** Bản đồ hoạ thông tin trên mang lại cho em hiểu biết gì mới và nhắc nhở em điều gì khi tham gia giao thông? Hãy viết một đoạn văn 5- 7 dòng để nói lên những điều cần thiết ấy để tham gia giao thông được an toàn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ và làm việc độc lập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** GV gọi 1 số HS báo cáo sản phẩm học tập.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | **Viết đoạn văn** Hãy viết một đoạn văn 5- 7 dòng để nói lên những điều cần thiết ấy để tham gia giao thông được an toàn.  \* Nội dung đoạn văn:  MĐ: giới thiệu thông tin bản đồ họa văn bản Tổng kiểm soát phương tiện giao thông đã mang lại cho em hiểu biết gì mới và nhắc nhở em điều gì khi tham gia giao thông.  *TĐ:* Nêu những điều cần thiết để được an toàn khi tham gia giao thông: *(HS tự trả lời câu hỏi: Em cần thực hiện những điều gì khi tham gia giao thông ?)*  *+* Cần chấp hành nghiêm túc các luật lệ, quy định về an toàn giao thông như: thực hiện các tín hiệu giao thông, khi rẽ phải xin đường, không đi hàng đôi hàng ba, không phóng nhanh vượt ẩu, không dùng xe đạp điện, xe máy khi chưa đủ tuổi, ….  + Nhắc nhở người thân, bạn bè cùng chấp hành luật giao thông thật nghiêm túc, tự giác,…  KĐ: Khẳng định sự cần thiết phải nâng cao ý thức chấp hành quy định của pháp luật về giao thông của mọi người là hạnh phúc của mỗi người và toàn xã hội.  \* Hình thức đoạn văn: Đảm bảo hình thức đoạn văn, tránh sai sót về chính tả, ngữ pháp. |

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã thuyết phục được người đọc về vấn đề chưa? Nếu chưa, hãy khắc

**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

+ Về nhà hoàn thành các bài tập.

+ Nắm được các nội dung đã học.

+ Soạn bài: Thực hành tiếng Việt/ 82.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***29/4/2024*** | ***29/4/2024*** |
| ***14/4/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***4*** | ***5*** |
| **Lớp** | ***7A*** | ***7B*** |

|  |
| --- |
| **BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**  **Tiết 129**  **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** |

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết thuật ngữ, phân loại thuật ngữ theo lĩnh vực khoa học.

- Phân biệt thuật ngữ với từ ngữ thông thường; hiểu được vai trò của thuật ngữ trong họat động giao tiếp về đề tài thuộc lĩnh vực khoa học.

- Sử dụng thuật ngữ trong tạo lập văn bản.

- Phân tích cấu tạo của từ

**2. Về năng lực**

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị: Máy chiếu, ti vi

2. Học liệu: Tư liệu về thuật ngữ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG 1.MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, chọn 6 hs tham gia cuộc thi **Ai nhanh hơn**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Cho các từ ngữ : ***Bazơ, ẩn dụ, nước, muối, phân số;*** em hãy chọn từ ngữ thích hợp với khái niệm sau. Cho biết khái niệm ấy thuộc các lĩnh vực khoa học nào? (Điền câu trả lời vào bảng)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Khái niệm | Bộ môn khoa học |
| 1 | Ví dụ: Nước | Hoá học |
| …. | ………… | ……….. |

1. ………. là hợp chất của các nguyên tử hi-đrô và ôxi, có công thức là H2O

2……………..là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít

3……………. là hợp chất mà phân tử gồm một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hi-đrô-xít.

4……………..là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.

5………………là phân số mà mẫu là lũy thừa của mười.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và thảo luận cặp đôi, thực hiện yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* 2 nhóm thảo luận và điền vào phiếu HT trên bảng
* Các HS khác lắng nghe, bổ sung.

Dự kiến câu trả lời của HS:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Khái niệm** | **Bộ môn khoa học** |
| 1 | Nước | Hoá học |
| 2 | Muối | Hoá học |
| 3 | Bazơ | Hoá học |
| 4 | Ẩn dụ | Văn học |
| 5 | Phân số thập phân | Toán học |

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

 GV kết nối,  dẫn vào bài mới.

Những khái niệm trên như nước, muối, thạch nhũ, bazơ, ẩn dụ, phân số thập phân được gọi là thuật ngữ. Vậy thuật ngữ là gì? Thuật ngữ có đặc điểm và chức năng như thế nào? Để hiểu rõ về điều đó, cô trò chúng ta đi tìm hiểu bài ngày hôm nay: *Thuật ngữ, đặc điểm và chức năng*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a**. **Mục tiêu**: Tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của thuật ngữ

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, cá nhân để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời  của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu về khái niệm thuật ngữ** | | |
| *1) So sánh hai cách giải thích về nghĩa của từ “****nước****” sau:* | **Cách 1**: *Nước là chất lỏng, không màu, không mùi, không vị, có ở ao, hồ, sông,* … | **Cách 2:** *Nước là hợp chất của các nguyên tử hi-đrô và ôxi, có công thức là H2O.* |
| …………………………………..  …………………………………. | …………………………………  ………………………………… |
| *2) Thuật ngữ là gì? Thuật ngữ thường được dùng ở loại văn bản nào?* |  | |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu về đặc điểm của thuật ngữ** | | |
| *1) So sánh sắc thái biểu cảm của từ* ***“muối”*** *được dùng trong hai trường hợp sau* | | *2) Em hãy rút ra đặc điểm của thuật ngữ?* |
| *a. Muối là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít.* | *b. Tay nâng chén* ***muối*** *đĩa gừng*  *Gừng cay* ***muối*** *mặn xin đừng quên nhau.* | ……………………  ……………………  ……………………  ……………………  ……………………  ……………………… |
| …………………………………..  ……………………………… | …………………………………..  ……………………………… |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, thảo luận theo hình thức **cặp đôi** thực hiện **phiếu học tập số 02**  1) So sánh hai cách giải thích về nghĩa của từ “***nước***” sau:  **Cách 1**: *Nước là chất lỏng, không màu, không mùi, không vị, có ở ao, hồ, sông, …*  **Cách 2***: Nước là hợp chất của các nguyên tử hi-đrô và ôxi, có công thức là H2O*.  *2) Thuật ngữ là gì? Thuật ngữ thường được dùng ở loại văn bản nào?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ và trả lời cá nhân..  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:   * Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4. Kết luận, nhận định**   GV nhận xét, chuẩn kiến thức về cách trích dẫn.  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **phiếu học tập số 03**  *1) So sánh sắc thái biểu cảm của từ* ***“muối”*** *được dùng trong hai trường hợp sau:*  *a. Muối là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít.*  *b. Tay nâng chén* ***muối*** *đĩa gừng*  *Gừng cay* ***muối*** *mặn xin đừng quên nhau.*  *2) Em hãy rút ra đặc điểm của thuật ngữ?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:  Gv mời 1-2 HS trả lời câu hỏi.  CácHS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **I. Thuật ngữ và đặc điểm của thuật ngữ**  **1. Thuật ngữ là gì?**  **a. Xét ví dụ:** So sánh hai cách giải thích về nghĩa của từ “nước” sau:  **Cách 1**: *Nước là chất lỏng, không màu, không mùi, không vị, có ở ao, hồ, sông,* …  **Cách 2:** *Nước là hợp chất của các nguyên tử hi-đrô và ôxi, có công thức là H2O.*  \* Nhận xét: So sánh hai cách giải thích nghĩa của từ “**nước**”  - **Cách giải thích thứ nhất** chỉ dừng lại ở những đặc tính bên ngoài của sự vật (Dạng lỏng hay rắn? Màu sắc, mùi vị như thế nào? Có ở đâu hay từ đâu mà có?). Đó là cách giải thích trên cơ sở kinh nghiệm, có tính chất cảm tính.  **- Cách giải thích thứ hai** thể hiện được đặc tính bên trong của sự vật (Được cấu tạo từ những yếu tố nào? Quan hệ giữa những yêu tố đó như thê nào?). Những đặc tính này không thể nhận biết được qua kinh nghiệm và cảm tính mà phải qua nghiên cứu bằng lí thuyết và phương pháp khoa học, qua việc tác động vào sự vật để sự vật bộc lộ những đặc tính của nó. Do đó, nếu không có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực có liên quan (cụ thể trong trường hợp này là hóa học thì người tiếp nhận không thế hiểu được cách giải thích này.  - Cách giải thích thứ nhất là cách giải thích nghĩa của từ ngữ thông thường, còn cách giải thích thứ hai là cách giải thích của thuật ngữ.  **b. Kết luận**  Thuật ngữ là từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ; thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.  **2. Đặc điểm của thuật ngữ.**  **a. Ví dụ**  - Từ “***muối***” trong trường hợp (a) không có sắc thái biểu cảm  - Từ “***muối***” trong trường hợp (b) khẳng định tình cảm gắn bó sâu đậm của 2 nhân vật trữ tình trong ca dao -> có sắc thái biểu cảm.  **b. Kết luận:** Đặc điểm của thuật ngữ**:**  **-** Thuật ngữ chỉ có hai đặc điểm chính:  + Trong mỗi lĩnh vực khoa học, công nghệ, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ (có tính chất đơn nghĩa).  + Thuật ngữ không có tính biểu cảm. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS thực hành các bài tập về thuật ngữ

- Tìm và phân loại thuật ngữ theo lĩnh vực khoa học.

- Sử dụng thuật ngữ trong tạo lập văn bản.

- Phân tích cấu tạo của từ.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, theo cặp bàn, hoàn thành bài tập vào phiếu, vở.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 04**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài 1. trang 82: nối các thuật ngữ ở cột A với lĩnh vực khoa học phù hợp ở cột B:** | | |
| **A. Thuật ngữ** |  | **B. Lĩnh vực khoa học** |
| 1) danh từ, động từ, tính từ, chủ ngữ, vị ngữ | a) toán học |
| 2) số tự nhiên, số hữu tỉ, phân số, góc vuông | b) hóa học |
| 3) hệ thần kinh, lưỡng cư, tế bào, vi khuẩn | c) ngôn ngữ học |
| 4) đơn chất, kim loại, phim kim, hóa trị | d) vật lí học |
| 5) dao động, tần số, vận tốc, điện tích | e) sinh học |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 05**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | | |
| **Nhóm** | **Câu văn có thuật ngữ** | **Xác định thuật ngữ** | **Lĩnh vực khoa học** |
| **1** | *a. Oxit là hợp chất của hai nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là oxi. Oxit gồm hai loại oxit axit và oxit bazơ.* |  |  |
| **2** | *b. Trùng roi là một cơ thể đơn bào có thể tự dưỡng như thực vật nhưng cũng có thể dị dưỡng như động vật.* |  |  |
| **3** | *c. Ta gọi tam giác có ba góc nhọn là tam giác nhọn, tam giác có một góc tù là tam giác tù.* |  |  |
| **4** | *d. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế có đặc điểm gì trong đoạn mạch nối tiếp và đoạn mạch song song?* |  |  |
| **5** | *e. Từ đơn là từ chỉ có một tiếng. Từ phức là từ có hai hay nhiều tiếng* |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 06**

|  |  |
| --- | --- |
| **1) Tìm yếu tố trong các từ ghép thể hiện sự khác nhau giữa giữa các sự vật được biểu thị (xuồng, ghe)** | |
| *Xuồng ba lá, xuồng năm lá, xuồng tam bản, xuồng độc mộc, xuồng chèo, xuồng máy, ghe câu, ghe cào tôm* |  |
| **2) Xếp các yếu tố đó vào nhóm thích hợp** | |
| a. Chỉ đặc điểm cấu tạo của sự vật: |  |
| b. Chỉ cách vận hành sự vật: |  |
| c. Chỉ công dụng của sự vật: |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm bàn, theo dõi, đọc thầm bài tập 1, trang 82, xác định yêu cầu của bài:  **Gv hướng dẫn HS phân loại thuật ngữ theo lĩnh vực khoa học**  HS thực hiện phiếu học tập số 04  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS đại diện trình bày, nhận xét. * HS nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá;  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **Bài tập 1/tr.82:** Xếp các thuật ngữ ở cột A vào lĩnh vực khoa học phù hợp ở cột B:  Gợi ý:   1. – c) 2. – a) 3. – e) 4. – b) 5. – d) |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS **Xác định và phân tích các loại thuật ngữ theo lĩnh vực khoa học**  **Bài 2. Tr 82.**   * **HS đọc thầm bài tập 2.** * **Xác định yêu cầu của bài tập 2.**   HS thực hiện phiếu học tập số 05  Hoạt hoạt động nhóm (chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm thực hiện 1 câu).  Nhiệm vụ:  + Nhóm 1- câu a  + Nhóm 2- câu b  + Nhóm 3- câu c  + Nhóm 4- câu d  + Nhóm 5- câu e  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS suy nghĩ, xác định các yêu cầu cơ bản, thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS trình bày, nhận xét.   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - GV nhận xét, đánh giá, lưu ý. | **Bài tập 2/tr.82** **Tìm và xếp các thuật ngữ trong những câu dưới đây vào lĩnh vực khoa học phù hợp: toán học, vật lí học, hóa học, sinh học, ngôn ngữ học.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Thuật ngữ** | **Lĩnh vực khoa học** | | a | *oxit, hợp chất, nguyên tố, oxi, oxit axit , oxit bazơ* | hóa học | | b | *trùng roi, đơn bào, tự dưỡng, thực vật, dị dưỡng, động vật* | sinh học | | c | *tam giác, góc nhọn, tam giác nhọn, góc tù, tam giác tù* | toán học | | d | *Cường độ, dòng điện, hiệu điện thế, đoạn mạch nối tiếp, đoạn mạch song song* | vật lí học | | e | *Từ đơn, từ, tiếng, từ phức* | văn học | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**    HS thực hiện phiếu học tập số 06  Gợi ý: GV lần lượt hướng dẫn cho HS kĩ năng phân tích cấu tạo của từ ghép chính phụ.  Gợi ý:  *1) Tìm yếu tố trong các từ ghép thể hiện sự khác nhau giữa giữa các sự vật được biểu thị (xuồng, ghe)?*  *- Đây đều là từ ghép chính phụ. Hãy xá định đâu là yếu tố chính, đâu là yêu tố phụ?*  *- Yếu tố thể hiện sự khác nhau giữa các sự vật biểu thị nằm ở vị trí nào?*  *2) Xếp các yếu tố đó vào nhóm thích hợp*  Kĩ **thuật Think – Pair – Share**  (Ảnh: Let's Discover the Doors of Knowledge - WordPress.com)  - GV yêu cầu HS:  HS thực hiện phiếu học tập số 06  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật Think – Pair- Share.  Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm  **-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **Bài tập 3/tr.63:** Yếu tố nào trong các từ ghép dưới đây thể hiện sự khác nhau giữa hai loại xuồng, ghe? Xếp các yếu tố đó vào nhóm thích hợp.   |  |  | | --- | --- | | **1) Tìm yếu tố trong các từ ghép thể hiện sự khác nhau giữa giữa các sự vật được biểu thị (xuồng, ghe)** | | | *Xuồng ba lá, xuồng năm lá, xuồng tam bản, xuồng độc mộc, xuồng chèo, xuồng máy, ghe câu, ghe cào tôm* | Đó là những yếu tố phụ đứng sau (xuồng, ghe) | | **2) Xếp các yếu tố đó vào nhóm thích hợp** | | | a. Chỉ đặc điểm cấu tạo của sự vật: | *xuồng năm lá, xuồng ba lá, xuồng tam bản* | | b. Chỉ cách vận hành sự vật: | *xuồng chèo, xuồng máy* | | c. Chỉ công dụng của sự vật: | *ghe câu, ghe cào tôm* |   . |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Khắc sâu và vận dụng kiến thức về thuật ngữ để tạo lập văn bản

**b. Nội dung:** HS thực hiện ở nhà bài tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời thể hiện hiểu biết của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:** HS thực hiện

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ (**[Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D)):

Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) giới thiệu khái quát về từ loại hoặc thành phần câu em đã học. Chỉ ra một thuật ngữ được sử dụng trong đoạn văn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS đọc đoạn văn mình đã viết

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

* Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubrics.

Gợi ý:

- Hình thức: đoạn văn

- Nội dung: giới thiệu khái quát về từ loại hoặc thành phần câu em đã học.

Lưu ý trong đó có sử dụng ít nhất 1 thuật ngữ; chỉ ra thuật ngữ đó.

**Bảng kiểm**

**Đánh giá kĩ năng viết đoạn văn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5- 7 câu. |  |  |
| **2** | Đoạn văn có một chủ đề giới thiệu khái quát về từ loại hoặc thành phần câu em đã học. |  |  |
| **3** | Đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 thuật ngữ. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **5** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

Đoạn văn tham khảo:

*Tiếng Việt có hai cách cơ bản để phân loại từ. Cách thứ nhất căn cứ vào nghĩa của từ, từ chia thành các loại như: danh từ, động từ, tính từ, phó từ, đại từ,…Trong đó, danh từ, động từ, tính từ là những từ được sử dụng phổ biến trong hoạt động giao tiếp. Còn nếu dựa trên cấu tạo của từ, chúng ta chia từ thành các loại: từ đơn, từ phức. Từ phức có từ ghép và từ láy. Trong từ ghép ta có ghép chính phụ và ghép đẳng lập. Còn từ láy có thể chia thành láy bộ phận và láy toàn bộ.*

Thuật ngữ: từ, *danh từ, động từ, tính từ, phó từ, đại từ*

**\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo :**

+Về nhà hoàn thành các bài tập.

+ Nắm được các nội dung đã học.

+ Soạn bài: Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa / 83-86.

-Đọc văn bản, tìm hiểu tác giả, tác phẩm, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài ?

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***2/5/2024*** | ***2/5/2024***  ***3/5/2024*** |
| ***14/4/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***2/3*** | ***5/3*** |
| **Lớp** | ***7A*** | ***7B*** |

|  |
| --- |
| **BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**  **Tiết 130,131**  **THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**  **PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN**  **CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM NGÀY XƯA**  **(Trần Đình Bình)** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản *“Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa”.*

+ Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản là phương tiện vận chuyển của các dân tộc miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin theo nhóm đối tượng;

+ Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản;

+ Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản;

+ Chỉ ra được tác dụng của tài liệu tham khảo dùng trong văn bản

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề trong văn bản.

**2. Về năng lực**

**- Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bạn thân và các bạn**.**

**- Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng đọc thể loại văn bản thông tin, trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm hoc tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiệnnhiệm vụ học tập.

**3. Về phẩm chất**

- Thích tìm hiểu, khám phá phương tiện đi lại, vận chuyển và tôn trọng các quy định về an toàn giao thông; trân trọng giá trị văn hóa của mỗi vùng miền.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị: Máy chiếu, ti vi

2. Học liệu: Tư liệu về tác giả, tác phẩm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG 1.MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**



**Hình 1: Người Sán Rìu**



**Hình 2: Người Kháng**



**Hình 3: Người Thái**



**Hình 4: Người Hmông**

*GV chiếu một số hình ảnh về các dân tộc thiểu số vùng núi phía Bắc. Dựa vào trang phục, em có thể đoán được họ là người dân tộc nào không?* (Nếu HS không đoán được, GV giới thiệu).

*Em biết những dân tộc thiểu số nào khác trên đất nước ta? Người dân của các dân tộc đó họ dùng các phương tiện nào để vận chuyển?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS xem, suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS suy nghĩ, trình bày, chia sẻ, trả lời câu hỏi;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn, nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

- Các dân tộc thiểu số như Thái, Mường, Mông, Ê-đê. Phương tiện vận chuyển của họ thường là ngựa, hoặc voi do địa hình đồi núi trắc trở vòng vèo.  
  
**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào văn bản, xâu chuỗi, dẫn vào bài.

- GV giới thiệu văn bản:

Mỗi một vùng miền, một dân tộc lại ẩn chứa và lưu giữ những nét văn hóa rất riêng biệt. Nét đẹp văn hóa ấy không phải ngày một ngày hai mà hình thành được, thậm chí phải trải qua hàng trăm năm. Văn hóa mỗi dân tộc mang nét độc đáo, ẩn chứa những sáng tạo của con người trong lao động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày. Chẳng hạn như phương tiện vận chuyển của mỗi dân tộc cũng mang nét đẹp văn hóa rất riêng biệt. Văn bản *“Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa”* của Trần Bình sẽ giới thiệu những phương tiện vận chuyển của một số đồng bào miền núi xưa? Những phương tiện vận chuyển ấy có đặc điểm và vai trò như thế nào, ngày nay có được sử dụng không? Chúng ta cùng đến với tiết học hôm nay.

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**

- Giúp HS nêu được những nét chính tác giả và tác phẩm.

- Biết được những nét chung của văn bản: thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

- Gv hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

**b. Nội dung.**

- Học sinh căn cứ SGK, vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, để tìm hiểu về những đặc điểm của thể loại.

**-** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

-Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện.**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích, bình giảng, nêu vấn đề.

- Kỹ thuật: Động não.

**PHIẾU HỌC TẬP 02**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu về cách triển khai ý tưởng và thông tin văn bản** “*Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa* “ | | |
| *+ Văn bản cung cấp những thông tin chính nào?* | *Người viết chọn cách nào để triển khai ý tưởng và thông tin văn bản?* | *Nhận xét về hiệu quả của cách triển khai ấy?* |
| ...........................................  ...........................................  ........................................... ........................................... | ...........................................  ...........................................  ........................................... ........................................... | ...........................................  ...........................................  ........................................... ........................................... |

**PHIẾU HỌC TẬP 03**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu về những phương tiện vận chuyển nào được các dân tộc miền núi phía Bắc ngày xưa** | | |
| *Các phương tiện vận chuyển nào được sử dụng?*  *Gắn với dân tộc nào?* | *Nêu đặc điểm chế tạo, công dụng của mỗi phương tiệng?* | *Vì sao chúng được sử dụng?* |
| *....................................*  *...................................*  *....................................*  *...................................* | *................................*  *........................................*  *....................................*  *...................................* | *...................................*  *....................................*  *....................................*  *...................................* |

**PHIẾU HỌC TẬP 04**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Nơi xuất bản | Năm xuất bản |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |
| 11 |  |  |  |  |

**DỰ KIẾN KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP 04**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Nơi xuất bản | Năm xuất bản |
| 1 | Nguyễn Án, Phạm Đình Hổ | *Tang thương ngẫu lục* | NXB Văn học, Hà Nội | 2001 |
| 2 | Phạm Thận Duật | *Phạm Thận Duật toàn tập* | NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội | 2000 |
| 3 | Lê Quý Đôn | *Vân Đài loại ngữ* | NXB Văn học, Hà Nội | 1962 |
| 4 | Phạm Đình Hổ | *Vũ trung tùy bút* | NXB Văn học, Hà Nội | 2001 |
| 5 | Lưu Hùng | *Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên* | NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội | 1996 |
| 6 | Nguyễn Trãi | *Dư địa chí* | NXB Sử học, Hà Nội | 1960 |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS luyện đọc.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  **-** HS đọc văn bản  - HS nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét , đánh giá, sửa lỗi sai cho HS.  - GV chuyển mục tiếp: tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. | **I.ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Đọc** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn 5 phút thống nhất phần chuẩn bị **phiếu học tập số 1** (đã chuẩn bị ở nhà) theo bàn?   |  |  | | --- | --- | | Giới thiệu về tác giả | **-**Năm sinh  -Quê quán  -Sự nghiệp  -Tác phẩm | | Xuất xứ  Thể loại VB |  | | Đối tượng thuyết minh |  | | Bố cục của văn bản? |  | | Giải nghĩa những từ khó: |  |   **GV** yêu cầu Hs thảo luận nhóm bàn 5 phút thống nhất phần chuẩn bị phiếu học tập số 1 theo bàn?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh suy nghĩ xung phong trả lời câu hỏi  + Giáo viên khích lệ học sinh trả lời bài  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Học sinh trả lời câu hỏi.  + Học sinh khác nghe, phát biểu bổ sung.  **Bước 4. Kết luận,nhận định.**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV dẫn vào phần tiếp theo. | **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:**  - Trần Đình Bình  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ:** Theo Trần Bình, dlib.huc.edu.vn  **- Thể loại:** văn bản thông tin  **- Phương thức biểu đạt chính:** thuyết minh  **- Đối tượng thuyết minh:** Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số ngày xưa  **- Bố cục:** *Gồm 2 phần:*  - **Phần 1**: Từ đầu đến “ở khắp các bản làng”: **Giới thiệu về phương tiện vận chuyển của các dân tộc miền núi phía Bắc.**  **- Phần 2** : Còn lại: **Giới thiệu phương tiện vận chuyển của các dân tộc ở tây Nguyên** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân  Gợi ý:  + Văn bản Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa cung cấp những thông tin chính nào? Tóm tắt các thông tin đó bằng một sơ đồ tư duy.    - Tác giả đã chọn cách nào để triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản?  *- Nhận xét về tác dụng của cách triển khai ấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN**  **1. Thông tin chính và cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản:**  **a. Thông tin chính:** Văn bản đã cung cấp hai thông tin chính:  - Phương tiện vận chuyển của các dân tộc miền núi phía Bắc.  - Phương tiện vận chuyển của các dân tộc ở Tây Nguyên.  Sơ đồ tư duy tóm tắt thông tin văn bản:  Soạn bài Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa | Hay nhất Soạn văn 7 Cánh diều  **b. Cách triển khai ý tưởng và thông tin:** **phân loại theo nhóm đối tượng.**  - Tác dụng của cách triển khai ý tưởng và thông tin của văn bản:  + Giúp người đọc có thông tin đầy đủ về đối tượng; người đọc sẽ dễ hiểu, dễ nhớ những tri thức về đối tượng.  + làm cho bài viết được rõ ràng mạch lạc. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS đọc phần (1) của VB: chia lớp thành 4 nhóm thực hiện phiếu học tập số 03.  + Nhóm 1,2 thực hiện phiếu học tập 03 trong đoạn văn: từ đầu đến *“không bằng dao của người Lào*”  Nhóm 3,4 thực hiện phiếu học tập 03 trong đoạn văn “*Người Sán Rìu còn khá phổ biến...khắp các bản làng”*  GV chiếu **phiếu HT 03**  Gợi ý:  *+ Có những phương tiện vận chuyển nào được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thế kỉ X – XVIII sử dụng?*  *+ Các phương tiện đó có đặc điểm gì?*  *+ Vì sao chúng được sử dụng?*  *+ Nhận xét về cách tác giả thuyết minh và hiệu quả của nó?*  *HS thực hiện phiếu học tập 03*  **\* Vòng 2: Nhóm mảnh ghép (8 phút)**  **- Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới**  **+ Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu**.  *Vì sao các phương tiện đó được người dân sử dụng?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.    **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu lược đồ Việt Nam để HS xác định vùng Tây Nguyên.  - GV cho HS đọc thầm, đọc lướt mục 2 của VB, trao đổi **cặp đôi** các nội dung:  *1) Có những phương tiện vận chuyển nào được người Tây Nguyên sử dụng và nó gắn với các dân tộc nào? Những phương tiện ấy có hiệu quả gì nổi bật trong vận chuyển?- Vì sao người dân nơi đây lại sử dụng các phương tiện này?*  2) Qua phần 1,2 của Vb, em hãy n*hận xét về cách viết của tác giả về các phương tiện vận chuyển của các dân tộc Việt nam ngày xưa?Điều đó cho thấy tác giả Trần Bình là người như thế nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * Hs trao đổi theo cặp và thống nhất ý kiến - GV quan sát, hướng dẫn học sinh.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện cặp đôi báo cáo.. - HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung. - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  **-** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **2.Những phương tiện vận chuyển được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam sử dụng:**  **a. Các phương tiện vận chuyển của các dân tộc miền núi phía Bắc**  **- Thuyền, bè, mảng là những phương tiện chủ yếu.**  + Thuyền đuôi én do người Kháng, người La Ha, người Cống, người Thái…  + Đặc điểm chính: được đục đẽo, chế tạo từ thân một cây gỗ tròn, thân thuyền thon dài, mũi nhọn. Phần đuôi thiết kế cong hẳn lên có dáng dấp hình con chim én.  + Các loại thuyền đuôi én như: loại 2 mái chèo, loại 6 mái, loại 12 mái  + Công dụng: chở hàng hóa (loại lớn cả chục tạ); đi lại; để bán cho cá tộc người láng giềng.  + Sự phù hợp:  + + Do địa bàn sinh sống của họ gần những con sông lớn như sông Đà, sông Mã, sông Lam  + + Sông, suối là những con đường lưu thông chủ đạo.   * **Xe quệt trâu:**   + Người Sán Rìu dùng khá sớm và phổ biến.  + Dùng để chuyển phân bón ra ruộng nương, chở lúa, hoa màu, củi về nhà. Dùng vận chuyển hàng hóa trên đường mòn, bờ ruộng, trên đồi, dưới hẻm, …   * **Ngựa:**   + Người Mông, Hà Nhì, Dao thường dùng để vận chuyển hàng hóa hoặc để làm phương tiện đi lại khắp các bản làng.  + Dùng ngựa để thồ hàng, đi chợ, …  + Sự phù hợp: do địa hình hiểm trở, việc đi lại gặp nhiều khó khăn; do sở thích của người dân nơi đây  **b. Phương tiện vận chuyển của các dân tộc ở Tây Nguyên.**  - Những phương tiện vận chuyển mà người Tây Nguyên (gắn với dân tộc như người Gia- rai, Ê- đê, Mnông, …) sử dụng: voi, ngựa, thuyền   * Lợi ích của phương tiện vận chuyển:   + Dùng sức voi, sức ngựa,…để vận chuyển trên cạn như chở hàng hóa, kéo gỗ, đi lại...  + Dùng thuyền đi lại trên các sông Tây Nguyên để lưu thông trên sông chỉ phổ biến với đàn ông.   * Sự phù hợp:   + Voi: do nghề săn voi và thuần dưỡng voi đặc biệt phát triển ở vùng Mnông Bu-dâng, Mnông Preh, bản Đôn  + Thuyền: làm bằng gỗ dầu, sao…. Cách làm dùng rìu và lửa vừa đẽo vừa đốt. Vách thuyền dầy hơn chục cm là được.  **\* Nhận xét về cách tác giả giới thiệu:**  + Chủ yếu là biện pháp liệt kê, so sánh, ngôn ngữ rõ ràng, khúc triết giúp người đọc hình dung ra đặc điểm của mỗi loại phương tiện vận chuyển  + Tác giả giới thiệu cụ thể, chính xác qua từng con số về đặc điểm từng loại phương tiện phương thức chế tạo và công dụng từng loại.  => Tri thức mà tác giả cung cấp vô cùng phong phú, thể hiện sự am hiểu, dầy công nghiên cứu về văn hóa của các dân tộc thiểu số của tác giả Trần Bình.  => Qua đó thể hiện tình yêu, sự trân trọng của tác giả với nét đẹp văn hóa với các dân tộc Việt Nam. |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ:  - GV nêu câu hỏi cho HS thảo luận theo bàn để tìm câu trả lời câu hỏi vào **Phiếu HT số 04**  GV gợi ý:   * Các tài liệu tham khảo được tác giả xếp theo thứ tự nào?   - Nêu tác dụng của việc trích dẫn và đưa tên tài liệu tham khảo vào văn bản *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa*? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công.  - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS lên trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng cặp, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý, chuyển sang phần III | **3. Tài liệu tham khảo**  - Mỗi đơn vị tài liệu tham khảo cần đưa ra các loại thông tin chi tiết cần thiết: tên tác giả, tên tài liệu, nơi xuất bản, năm xuất bản.  - Tài liệu tham hảo được sắp xếp theo trình tự từ tham khảo nhiều đến tham khảo ít.  => **Tác dụng của tài liệu tham khảo:**  + Bảo đảm quy cách khi viết kiểu văn bản.  + Khẳng định các nội dung trong văn bản được tác giả nghiên cứu, tìm hiểu cặn kẽ. Làm rõ ràng hơn thông tin mà tác giả nêu trong văn bản.  + Tăng độ tin cậy của các thông tin trong VB và tạo cơ hội cho người đọc tra cứu tìm hiểu thêm khi có nhu cầu.  + Cho thấy kiến thức trong văn bản là quá trình nghiên cứu công phu, khoa học của tác giả. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động cá nhân  ?  Khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**   * Gv yêu cầu Hs nhận xét * Gv nhận xét, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thông tin chính xác, khoa học.  - Triển khai ý tưởng và thông tin theo cách phân loại theo nhóm đối tượng, trình tự trình bày rõ ràng qua các đề mục, các phần, các đoạn trong văn bản để người đọc dễ dàng theo dõi, nắm bắt thông tin.  - Sử dụng biện pháp liệt kê, so sánh…làm tăng sức hấp dẫn.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  - Văn bản đã đưa ra thông tin về những phương tiện vận chuyển được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam ngày xưa sử dụng là thuyền, ngựa, voi,… Các phương tiện đó đều là những phương tiện đơn giản, không cần động cơ. Chúng được sử dụng để giúp cho việc di chuyển và vận chuyển của người dân thuận tiện hơn.  - Mỗi dân tộc có nét văn hóa độc đáo, ấn chứa sự sáng tạo và đời sống tinh thần phong phú.  - Tìm hiểu về các phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số, tác giả gửi gắm tình yêu, sự trân trọng bản sắc văn hóa các dân tộc. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng, đủ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

\***Nhiệm vụ:** **Trắc nghiệm củng cố:**

GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Vòng quay văn học thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

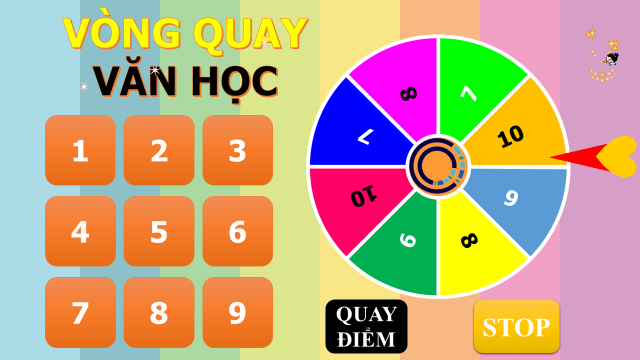
Bước 1: GV phổ biến luật chơi:

- GV mời 2 HS lên tham gia trò chơi.

- Có 9 ô câu hỏi và 1 vòng quay may mắn.Trong đó 8 ô chứa câu hỏi và 1 ô may mắn (không cần trả lời câu hỏi mà sẽ tham gia luôn quay vòng quay may mắn và nhận điểm)

- HS lần lượt chọn câu hỏi, trả lời đúng sẽ được tham gia quay vòng quay may mắn, quay vào số điểm nào, người chơi sẽ nhận được điểm số đó; nếu trả lời sai, quyền trả lời thuộc về người chơi còn lại. Nếu người chơi còn lại trả lời đúng sẽ được tham gia quay vòng quay may mắn và nhận điểm.

- Cứ như vậy sau khi trả lời hết câu hỏi, người chơi nào nhiều điểm hơn thì sẽ giành chiến thắng



**Bước 2:** GV đọc từng câu hỏi; HS đứng vào vị trí GV hướng dẫn để tham gia trò chơi.

**Bước 3:**  Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và chọn đáp án.

**Bước 4.** GV công bố kết quả.

**Gợi ý nhóm câu hỏi:**

**Câu 1:** Trong khoảng thế kỉ X – XVIII, các dân tộc miền núi phía Bắc di chuyển bằng gì là chính?

A. Xe bò

B. Xe ngựa

C. Trượt ván

**D. Đi bộ**

**Câu 2:** Trong khoảng thế kỉ X – XVIII, những tộc người nào đã biết đóng thuyền và sử dụng thuyền để vận chuyển, lưu thông trên sông suối lớn?

**A. Người Kháng, người La Ha, người Mảng, người Thái, người Cống**

B. Người Kinh, người Tàu, người Mỹ

C. Người Dao, người Mông, người Tày

D. Không có dân tộc nào có năng lực để làm thuyền ở thời đó cả.

**Câu 3:** Đặc điểm nào không đúng về thuyền đuôi én của cư dân các dân tộc sống ven sông Đà?

A. Thân thuyền thon dài

B. Mũi thuyền nhọn

**C. Đuôi thuyền vuông và được thiết kế cong hẳn lên**

D. Đuôi thuyền có dáng dấp hình đuôi chim én.

**Câu 4:** Thuyền đuôi én loại lớn nhất có thể tải được bao nhiêu hàng hoá?

**A. Hàng chục tạ**

B. Hạng chục tấn

C. Hàng trăm tấn

D. Hàng ngàn tấn.

**Câu 5:** Phương tiện vận chuyển phổ biến của người Sán Dìu là gì?

A. Ô tô

B. Thuyền buồm

**C. Xe quệt trâu**

D. Ngựa

**Câu 6:** Văn bản được triển khai thông tin theo cách nào?

A. Theo trình tự thời gian và không gian

**B. Phân loại theo nhóm đối tượng.**

C. Theo mối quan hệ nhân quả.

D. Theo cách thức câu view của báo mạng.

**Câu 7:** Thể loại của văn bản “*Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa*” là gì?

**A. Văn bản thông tin**

B. Nghị luận

C. Tự sự

D. Tản văn

**Câu 8:** Cách triển khai thông tin trong văn bản này có tác dụng gì?

A. Giúp người đọc nắm bắt được tiến trình thời gian và không gian của các sự kiện trong văn bản.

B. Giúp người đọc hình dung ra vấn đề, hiểu được vấn đề nhờ sự giải thích cặn kẽ.

**C. Giúp người đọc hình dung số lượng thông tin được đề cập đến trong văn bản và thứ tự các thông tin đó.**

D. Khiến người đọc muốn lao vào đọc mà không biết rằng đó chỉ là tin câu view.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**Câu hỏi.** Tìm hiểu thêm về các phương tiện vận chuyển được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam sử dụng trong cuộc sống hiện nay. Chỉ ra những sự thay đổi về việc sử dụng các phương tiện vận chuyển ở những dân tộc thiểu số này (nếu có) và lí giải nguyên nhân của sự thay đổi đó.

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

HS hoạt động cá nhân thực hành:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS trình bày về nội dung đã tìm hiểu ở nhà

**Bước 3: Báo cáo kết quả:** GV chụp kết quả, chiếu lên ti vi để cả lớp cùng theo dõi

**Bước 4. Kết luận, nhận định.**

* GV yêu cầu Hs nhận xét
* GV nhận xét, chốt kiến thức

**Dự kiến sản phẩm:**

- Một số dân tộc đã sử dụng xuồng máy, xe kéo, xe thồ, xe công nông, ba gác, ô tô.. Các phương tiện này sẽ giúp việc di chuyển vận chuyển nhanh chóng hơn, năng xuất lao động cũng phát triển hơn. Đây là sự phát triển theo hướng tích cực thể hiện các dân tộc thiểu số đã phát triển để tiến bộ theo xu hướng chung của toàn xã hội.  
 **\*Giao bài,hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo :**

+Về nhà hoàn thành các bài tập.

+ Nắm được các nội dung đã học.

+ Soạn bài:Ôn tập các kiến thức đã học chuẩn bị cho bài kiểm tra cuối kì 2.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***6/5/2024***  ***9/5/2024*** | ***6/5/2024***  ***9/5/2024***  ***10/5/2024*** |
| ***14/4/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***2/2/3*** | ***5/5/3*** |
| **Lớp** | ***7A*** | ***7B*** |

|  |
| --- |
| **BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**  **Tiết 132, 133,134**  **VIẾT**  **TÓM TẮT VĂN BẢN THEO YÊU CẦU KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI**  **VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết được tình huống, mục đích viết văn bản tường trình.

- Biết viết VB tường trình đảm bảo các bước; chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý, viết bài; xem lại và chỉnh sửa; rút kinh nghiệm

- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Học sinh biết viết văn bản tường trình.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi viết văn bản tường trình.

- Năng lực tiếp thu các yêu cầu khi viết văn bản tường trình.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức thực hiện các quy định của trường, lớp và các môi trường khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị: Máy chiếu,ti vi

2. Học liệu: Viết văn bản tường trình.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước  1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**? Những trường hợp nào sau đây HS cần viết VB trình bày lại diễn biến sự việc :**

* 1. HS đánh nhau
  2. HS bỏ giờ, bỏ tiết để đi chơi.
  3. HS giúp bà cụ qua đường
  4. HS đá bóng làm vỡ chậu hoa
  5. HS đạt nhiều điểm tốt
  6. Khi trong lớp bị mất tiền
  7. Khi trong lớp có bạn đạt giải cuộc thi Violympic Toán

? Ai là người thực hiện VB trình bày lại sự việc với những trường hợp em đã chọn trên?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi.
* GV quan sát, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV gọi một số đại diện các cặp trả lời các câu hỏi.
* Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

**Dự kiến câu trả lời:**

* Các trường hợp cần viết VB trình bày lại sự việc đã diễn ra: 1, 2, 4, 6.
* Người viết VB trình bày lại sự việc: *Người trực tiếp gây ra sự việc; người có liên quan trực tiếp đến sự việc đó, người chứng kiến sự việc*.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: *Khi có một sự việc nào đó xảy ra gây hậu quả không hay và em là người liên quan đến sự việc, em cần viết bản tường trình, trình bày tường tận, rõ ràng về những việc đã diễn ra để những người có trách nhiệm (hoặc cấp có thẩm quyền) hiểu rõ bản chất sự việc. Vậy làm thế nào để viết được một VB tường trình trong những hoàn cảnh như vậy? Phần hướng dẫn dưới đây sẽ giúp em thực hiện điều đó.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu khái niệm và xác định được các yêu cầu khi viết văn bản tường trình

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là viết văn bản tường trình?*  *+ Khi nào cần viết bản tường trình?Gửi bản tưởng trình đến đâu?*  *+ Nêu các yêu cầu đối với kiểu văn bản tường trình? (Về bố cục, về nội dung tường trình)*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **- GV yêu cầu học sinh nhận xét**  **-GV nhận xét, chốt kiến thức** | **I. Định hướng**  **1. Khái niệm**  **-** Tường trình là loại văn bản trình bày, báo cáo lại đầy đủ, rõ ràng về một vấn đề hoặc một sự việc nào đó. Người viết tường trình là người chứng hoặc có liên quan đến sự việc; người nhận tường trình là cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền xem xét và giải quyết.  **2.Yêu cầu**  a. Về bố cục, Văn bản cần đảm bảo các phần sau:  - Phần mở đầu:  + Quốc hiệu, tiêu ngữ (ghi chính giữa)  + Địa điểm, thời gian viết (ghi vào góc bên phải)  + Tên VB và tóm tắt sự việc tường trình (ghi chính giữa)  + Người (cơ quan) nhận bản tường trình.  + Họ tên và thông tin chính của người viết.   * Nội dung văn bản:   + Thời gian, địa điểm sự việc  + Nêu trình tự, diễn biến vấn đề, sự việc;  + Nguyên nhân dẫn đến sự việc và sự liên quan, mức độ trách nhiệm của người viết tường trình với vấn đề sự việc ấy.   * Kết thúc văn bản: Lời đề nghị, cam đoan, chữ kí và họ tên của người viết tường trình.   b) Để viết được một bản tường trình, cần thực hiện theo quy trình dưới đây:  - Xác định nội dung của bản tường trình, thể hiện nội dung đó ở ngay dòng bên dưới của văn bản (Về việc…)  - Thu thập thông tin liên quan đến vấn đề, sự việc; mức độ liên quan, trách nhiệm của bản thân đối với vấn đề sự việc.  - Tiến hành viết tường trình theo mẫu.  - Đọc, ra soát, chỉnh sửa bản tường trình nếu cần.  Về nội dung, VB cần đảm bảo những yêu cầu sau:   * Cung cấp đầy đủ, chính xác những thông tin về thời gian, địa điểm, sự việc, họ tên những người có liên quan, đề nghị của người viết, người gửi, người nhận và ngày, tháng viết địa điểm tường trình. * Nội dung sự việc được tường trình phải đảm bảo chính xác, đúng với thực tế diễn ra. * Xác định trách nhiệm của người viết đối với sự việc đã xảy ra: gồm một số trường hợp sau:   + Nếu người viết trực tiếp tham gia vào sự việc thì cần trình bày rõ trách nhiệm của người viết đối với những gì diễn ra.  + Nếu người viết chỉ chứng kiến sự việc thì cần nêu rõ trách nhiệm của người viết là chứng kiến và ghi nhận lại trung thực tất cả những gì đã diễn ra |
| **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN**  **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **-** GV yêu cầu HS đọc VB tường trình (sgk, tr.89)  - GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu phân tích kiểu văn bản bằng cách trả lời các câu hỏi:  + Xác định phần mở đầu, nội dung tường trình và kết thúc của VB trên.  + Phần mở đầu của VB trên trình bày những nội dung gì?  + Nội dung tường trình của VB tường trình những thông tin gì?  + Những nội dung nào đã được trình bày ở phần kết thúc VB?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS dự kiến câu trả lời  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  +Đại diện nhóm bàn trả lời câu hỏi  +GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng**.** | **II. Hướng dẫn phân tích mẫu văn bản tường trình**  **\* Bước 1: Đọc VB tường trình**  - Đọc VB ( tr.89, sgk)  - Xem cách tường trình về việcvi phạm nội quy  **\* Bước 2:** **Nhận xét, phân tích các yêu cầu**  - Dựa vào dấu hiệu trong VB, xác định phần mở đầu, nội dung tường trình và kết thúc.  - Phần mở đầu trình bày những nội dung:  + Quốc hiệu, tiêu ngữ  + Địa điểm và thời gian viết bản tường trình.  + Tên VB và tóm tắt sự việc tường trình  + Người nhận bản tường trình  + Thông tin người viết bản tường trình   * Nội dung tường trình gồm những nội dung:   + Thời gian, địa điểm xảy ra, những người tham gia, diễn biến sự việc.  + Nguyên nhân của sự việc  + Hậu quả của sự việc  + Xác định rõ trách nhiệm của người viết tường trình   * Phần kết thúc gồm những nội dung:   + Lời đề nghị  + Lời hứa  + Chữ kí và tên của người viết tường trình. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. THỰC HÀNH**

**a.Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:

+ HS xác định được mục đích viết VB tường trình. Từ đó, giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

+ Viết được VB tường trình .

**b. Nội dung**: Chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU TÌM Ý:**  **Viết Vb tường trình về một sự việc xảy ra ngoài ý muốn mà em đã chứng kiến hoặc tham gia** | |
| Em định tường trình về sự việc gì? |  |
| Sự việc đó em trực tiếp tham gia hay chứng kiến? |  |
| Tóm lược trình tự, diễn biến sự việc, nguyên nhân vả hậu quả (nếu có) | ……………………………………….. |
| Em có trách nhiệm gì trong sự việc? Em có những đề nghị gì sau sự việc không? | ……………………………………….. |
| Em cam đoan/hứa điều gì sau khi sự việc xảy ra? | ……………………………………….. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**   * GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho bài viết của mình bằng **kĩ thuật công não:**   + GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  + Đề bài yêu cầu em viết thể loại VB nào? Viết về nội dung gì?  + Theo em, có thể thu thập tài liệu từ những nguồn nào?  - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý:  + HS điền vào **Phiếu tìm ý** theo mẫu.  + HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: Mở đầu – nội dung tường trình- kết thúc   * Hướng dẫn HS viết thành bài văn hoàn chỉnh.   (Thời gian trên lớp hạn chế , nên GV giao cho HS viết một đoạn văn nội dung tường trình; về nhà thực hiện thành bài văn hoàn chính)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **II. Thực hành**  **Đề bài:** *Học sinh chọn một trong hai yêu cầu sau để làm bài:*  *(1) Cho sự việc sau: Em và một bạn trong lớp có xe đạp giống nhau. Một hôm tan học, em vội về nên lấy nhầm xe của bạn. Bạn ra về không thấy xe nên đã báo bác bảo vệ về việc bị mất xe. Sau khi tìm hiểu, bác bảo vệ đã biết em lấy nhầm xe của bạn và yêu cầu em viết tường trình. Em hãy viết bản tường trình gửi cho phòng bảo vệ của trường.*  *(2) Tự chọn một sự việc cụ thể để viết bản tường trình*  **Bước 1: Chuẩn bị**  - Xác định đề tài:  + Thể loại: VB tường trình  + ND tường trình đa dạng: Một trong hai sự việc:  + + Em vô ý lấy nhầm xe đạp của bạn do 2 chiếc xe giống nhau.  + + một việc em đã chứng kiến hoặc tham gia.  - Thu thập tài liệu:  + Tìm những tài liệu liên quan đến yêu cầu về đặc điểm và hướng dẫn viết bản tường trình trên sách hoặc mạng Internet.  + Đọc lại bài viết phần *Hướng dẫn kiểu VB* để học cách viết VB tường trình.  + Nhớ lại những sự việc xảy ra, tiến trình sự việc, hậu quả.  **2**. **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  **- HS điền vào phiếu tìm ý: (theo ý tưởng của mình)**  ***- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của VB, gồm:***  *\* Phần mở đầu:* quốc hiệu, tiêu ngữ, địa điểm và thời gian viết VB; tên VB và tóm lược sự việc tường trình; người nhận; một số thông tin cơ bản của người viết.  *\* Phần nội dung tường trình:* giới thiệu ngắn gọn về thời gian, địa điểm xảy ra sự việc; tên những người có liên quan; tóm tắt diễn biến sự việc; nguyên nhân và hậu quả (nếu có); người chịu trách nhiệm (nếu có) và trách nhiệm của người viết VB.  \**Phần kết thúc*: những đề nghị (nếu có), lời cam đoan/lời hứa, chữ kí và họ tên người viết.  **3. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết một VB tường trình hoàn chỉnh.  Việc viết bản tường trình đòi hỏi người viết phải tôn trọng sự thật, trình bày trung thực, đầy đủ, khách quan những sự việc đã xảy ra và phải xác định rõ trách nhiệm của người viết với sự việc |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với VB tường trình  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Chuẩn kiến thứcvề yêu cầu đối với VB tường trình.  +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  +Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng kiểm) | **4. Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm**  - Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa VB dựa vào bảng kiểm.  - Tiếp tục chỉnh sửa nếu VB chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu đối với VB tường trình  - Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp. |
| **BẢNG KIỂM VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Các phần của bài viết | Nội dung kiểm tra | Đạt | Chưa đạt | | Phần mở đầu | Tên quốc hiệu: viết in hoa, ở trên cùng và ở giữa VB. |  |  | | Tiêu ngữ: viết chữ thường, canh giữa dưới quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có dấu (-), ở giữa VB. |  |  | | Địa điểm, thời gian viết VB: đặt dưới quốc hiệu, tiêu ngữ và lùi sang phía bên phải của VB. |  |  | | Tên VB: viết chữ in hoa, cỡ chữ lớn hơn các chữ khác trong VB, ở giữa VB |  |  | | Trình bày thông tin về người nhận theo đúng quy cách |  |  | | Trình bày một số thông tin cơ bản của người viết |  |  | | Nội dung tường trình | Ghi rõ thời gian và địa điểm xảy ra sự việc |  |  | | Xác định rõ tên của (những) người liên quan (nếu có) |  |  | | Nêu rõ nguyên nhân, hậu quả của sự việc (nếu có) |  |  | | Xác định rõ người chịu trách nhiệm (nếu có) và trách nhiệm của người viết với sự việc |  |  | | Phần kết thúc | Nêu rõ (những) đề nghị (nếu cần thiết) |  |  | | Nêu rõ lời cam đoan/lời hứa |  |  | | Có chữ kí và họ tên của người viết |  |  | | |

**4. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố, vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm:** HS viết được một văn bản tường trình hoàn thiện, đúng thể thức đảm bảo nội dung của một bản tường trình

**d) Tổ chức thực hiện:**

**-** Giáo viên chiếu bài viết tham khảo cho HS theo dõi và nhận xét.

**Đề bài:***Viết bản tường trình về một vấn đề tự chọn*

**-** GV hướng dẫn HS viết văn bản tường trình theo yêu cầu, hỗ trợ HS hoàn thiện bài tập.

**-** HS vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện yêu cầu bài tập.

\*GV chiếu một văn bản mẫu để HS tham khảo:

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày 1 tháng 10 năm 2022*

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc mất ví tiền tại lớp 7A

Kính gửi: Cô giáo Trần Thị A, giáo viên chủ nhiệm lớp 7A, trường THCS...

Em tên là: Lê Thị B, hiện đang là học sinh lớp 7A, trường THCS,...

Em viết văn bản này để tường trình sự việc như sau:

Thứ ba ngày 25 tháng 9 năm 2022 vừa qua, em bị mất chiếc ví tiền tại lớp 7A. Sự việc cụ thể như sau:

Hôm đó, em đến trường vào lúc 7h15. Trước khi vào lớp, mẹ em có đưa cho em 150.000 đồng và dặn em gửi cô giáo tiền học. Em đã cẩn thận bỏ số tiền đó vào chiếc ví màu đỏ. Sau đó, em cất chiếc ví vào ngăn giữa của cặp, em khóa cẩn thận rồi bước vào lớp. 7h30 phút là giờ truy bài, em và các bạn truy bài tại sân trường, em mang theo sách toán và ngữ văn để học và không mang theo cặp và ví. Khi nghe tiếng trống vào lớp, em mở cặp ra và lấy tiền trong ví nộp cho cô giáo thì không thấy chiếc ví đâu và khóa cặp đã bị mở. Em có hỏi các bạn xung quanh nhưng không ai lấy, cũng không ai nhìn thấy chiếc ví bị rơi. Trong chiếc ví có 150.000 đồng, một vài bức ảnh của em và gia đình, một chiếc chìa khóa nhà và một phong bao lì xì 50.000 đồng.

Em xin cam đoan những điều em tường trình trên là sự thật. Nếu sai em xin chịu mọi hình thức kỉ luật của cô giáo và tập thể lớp.

Người viết tường trình

(Đã kí)

Lê Thị B

**\*Giao bài, hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**.

- Nắm được kiến thức đã học .

* Hoàn thiện lại bài viết theo bảng kiểm.
* Chuẩn bị bài nói: *Nghe và tóm tắt ý chính của bài nói.*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***11/5/2024*** | ***10/5/2024*** |
| ***14/4/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***4*** | ***4*** |
| **Lớp** | ***7A*** | ***7B*** |

|  |
| --- |
| **BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**  **Tiết 135**  **NÓI VÀ NGHE**  **NGHE VÀ TÓM TẮT Ý CHÍNH CỦA BÀI VIẾT** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Biết cách nghe và tóm tắt ý chính của bài nói mà người khác trình bày.

**-** Biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**-** HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**2 Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài nghe và tóm tắt ý chính của bài viết.

**3. Về phẩm chất**

- Tự tin thể hiện bản thân

- Biết lắng nghe

**II.THIẾT BỊ VÀ HỌC LIÊU**

**1. Thiết bị**

- Máy tính, ti vi.

**2. Học liệu:**

- Tư liệu về tóm tắt ý chính của bài viết.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi hứng thú, kiến thức nền để học sinh bước vào giờ học

**b. Nội dung:** Giáo viên nêu tình huống có vấn đề để học sinh phát biểu ý kiến về cách xử trí

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời về cách xử trí tình huống

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Xem vi deo theo đường link** [**https://youtu.be/Arbj8nzAQ7Y-**](https://youtu.be/Arbj8nzAQ7Y-)chương trình thiếu niên nói từ phút 25p 40 giây đến phút 29p 28 giây.

Nhiệm vụ: Hãy nghe và tóm tắt ý chính của bạn Lê Tấn Thảo Linh và bà ngoại bạn ấy trong đoạn video trên?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

* HS chia sẻ nhanh suy nghĩ về một bài phút (kĩ thuật trình bày 01 phút).

**2. Bước 4: Kết luận, nhận định.**

**Dự kiến câu trả lời:**

* Bạn Lê Thảo Linh kể về bà ngoại “siêu nhân” của mình. Bà đã làm nhiều nghề để kiếm sống như giáo viên, bán hàng, …rất vất vả để nuôi mẹ và dì em ăn học. Em thương bà nhiều khi biết bà đang bị bệnh hiểm nghèo.
* Bà ngoại: Mong muốn Thảo Linh biết sống tốt, chăm học để nên người, biết tự lập chăm lo cho mình. Bà mong Linh yên tâm bà vẫn khỏe.
* **🡪GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: Ở phần Viết trong tiết học trước, các em đã học kĩ năng tóm tắt một văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài. Đặt vào tình huống, khi bạn em trình bày bài tóm tắt đó, em là người nghe, em cần thực hiện những thao thác nào để nắm bắt được thông tin bạn mình nói. Tiết nói và nghe hôm nay, chúng ta sẽ rèn cách nghe và tóm tắt ý chính của bài nói.

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được định hướng chung của bài nói- nghe: nghe và tóm tắt ý chính của bài nói mà người khác trình bày.

**b. Nội dung**: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  **- GV giao nhiệm vụ** Hoạt động theo hình thức cá nhân  *1) Việc tóm tắt ý chính của người nói có cần thiết cho người nghe không? Tại sao?*  *2) Để nghe và tóm tắt ý chính của bài nói mà người khác trình bày, em cần thực hiện các thao tác gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV yêu cầu Hs nhận xét  - GV nhận xét, chốt kiến thức | **1. Định hướng**  **a. Sự cần thiết của việc tóm tắt ý chính của người nói**  Khi nghe người khác trình bày, để nắm được nội dung thông tin, cần biết tóm tắt ý chính của bài nói. Cũng giống như bản tóm tắt một văn bản viết, bản tóm tắt một bài nói có thể có độ dài khác nhau, nhưng cần nếu lại được những ý chính của bài nói.  **b. Muốn tóm tắt ý chính của bài nói, các em cần:**  - Tập trung nghe nội dung của bài nói.  - Ghi lại các ý chính của bài nói theo hệ thống: ý lớn, ý nhỏ, các bằng chứng hay ví dụ minh họa,…  - Tùy theo yêu cầu về độ dài của bài tóm tắt để lựa chọn các ý chính của bài nói và trình bày bản tóm tắt cho phù hợp |

**2. HOẠT ĐỘNG 2. THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - Chia lớp làm 4 nhóm  - Các nhóm tổ chức hoạt động nói riêng. Còn những HS trong nhóm khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào **phiếu 1,2**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Gv hướng dẫn HS thực hành bài tập  - HS đọc kĩ đề, mỗi em cần chuẩn bị một bài thuyết trình về nội dung văn bản “*Ghe xuồng Nam Bộ”*  **1) Các bước tiến hành bài nghe và tóm tắt ý chính của bài nói**  **Hoàn thành Phiếu học tập 01:**   |  |  | | --- | --- | | **Các bước cần thực hiện** | **Nội dung cơ bản cần làm** | | *Bước 1:*  *………………* | *………………*  *……………….* | | *Bước 2:*  *………………* | *……………….*  *……………….* | | *Bước 3:*  *………………* | *……………….*  *……………….* | | **2. Thực hành**  Bài tập: Nghe bạn thuyết trình về nội dung văn bản “*Ghe xuồng Nam Bộ*” đã học và ghi lại các ý chính của bài thuyết trình đó.  **a) Chuẩn bị**  - Xem lại văn bản Ghe xuồng Nam Bộ tronng phần Đọc hiểu văn bản  - Chú ý hướng dẫn trong các mục Định hướng để nắm được cách tóm tắt ý chính khi nghe. |
| **2) Hướng dẫn HS thực hành nghe và ghi lại các ý chính**  ? Trong quá trình nghe, em cần cần ghi lại những nội dung nào?  **Phiếu học tập số 2**   |  |  | | --- | --- | | **Dàn ý tóm tắt các ý chính của bài nói** | | | *Mở đầu người nói nêu ý gì?* | ………………  ………………. | | *Nội dung chính mà người nói nêu lên về ghe xuồng Nam Bộ là gì?* | ………………..  ……………….  ………………  …………….. | | *Kết thúc, người nói nêu nội dung gì?* | ……………….  ………………..  ……………… |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + 1 HS trình bày bài thuyết trình về nội dung văn bản *Ghe xuồng Nam Bộ.*  *+* các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập số 2.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**   * HS trình bày   **Bước 4: Kết luận, nhận định**   * GV yêu cầu Hs nhận xét * Gv nhận xét, chốt kiến thức | **b) Thực hành nghe và ghi lại các ý chính**  - Tập trung nghe bài thuyết trình về nội dung văn bản *Ghe xuồng Nam Bộ.*  - Ghi lại các ý chính mà người nói đã trình bày dưới dạng dàn ý: Ví dụ:  + Mở đầu người nói nêu ý gì?  + Nội dung chính mà người nói nêu lên về ghe xuồng Nam Bộ là gì?  + Kết thúc, người nói nêu nội dung gì?  - Nhận xét những ưu điểm, hạn chế về nội dung, cách thuyết trình và thái độ của người nói. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - Khi GV gọi một số HS trình bày bài ghi tóm tắt ý chính của bài nói trước tổ, nhóm, lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu kiểm tra  - HS nói cần kiểm tra lại quá trình nghe và ghi chép tóm tắt ý chính bài nói của mình đã phù hợp chưa (đối chiếu với yêu cầu để chỉnh sửa)   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**   * Hs kiểm tra lại bài nghe   **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * Hs trình bày   **Bước 4: Kết luận, nhận định**   * GV yêu cầu Hs nhận xét * GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. | **c. Kiểm tra và chỉnh sửa**  - Kiểm tra lại các nội dung chính đã nghe và ghi được   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Trả lời** | | + Nội dung thông tin nghe được đã đủ chưa? Điều gì cần hỏi lại người nói? |  | | + Nội dung ghi lại có theo một dàn ý rõ ràng không? |  | | + Đã ghi lại nhận xét và cách trình bày và thái độ của người nói chưa? |  | | + Các lỗi khi nghe cần khắc phục (nếu có) |  |   - Chú ý các lỗi khi nghe cần khắc phục. |

**HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ BÀI 10** (ở nhà)

Học sinh tự thực hành ở nhà nhiệm vụ học tập theo yêu cầu SGK về văn bản “*Một số phương tiện giao thông của tương lai”* (Theo Văn Biên- Dân Việt)

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS tự thực hành đánh giá bài 10 văn bản “*Một số phương tiện giao thông của tương lai”* (Theo Văn Biên- Dân Việt) theo yêu cầu SGK.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện cá nhân ở nhà

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS gửi kết quả bài làm cho GV qua Zalo, gmail...

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá, góp ý

HS tự đánh giá năng lực đọc hiểu của bản thân theo đáp án.

**I. Trắc nghiệm**

**Đọc văn bản** “*Một số phương tiện giao thông của tương lai”* (Theo Văn Biên- Dân Việt)  **(trang 91->94 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 2) và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

Ghi vào vở chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 8):

**Câu 1.** Nội dung chính của văn bản trên là gì?

**A. Giới thiệu một số phương tiện giao thông trong tương lai**

B. Giới thiệu một số phương tiện giao thông tự lái trong tương lai

C. Giới thiệu một số phương tiện giao thông tự bay trong tương lai

D. Giới thiệu một số phương tiện giao thông chạy bằng điện trong tương lai

**Câu 2.** Văn bản sắp xếp thông tin theo trật tự nào?

A. Trật tự thời gian

B. Quan hệ nguyên nhân - kết quả

C. Mức độ quan trọng

**D. Phân loại đối tượng**

**Câu 3.** Các thông tin chính trong văn bản được làm nổi bật bằng cách nào?

**A. In đậm**

B. Phóng to

C. In hoa

D. Tô màu

**Câu 4.** Điểm giống nhau giữa các phương tiện được nói đến trong văn bản là gì?

A. Đều giúp con người có thể rút ngắn thời gian đi lại một cách tối đa

B. Đều giúp con người tiết kiệm được một khối lượng nhiên liệu lớn

C. Đều giúp con người tránh được các tai nạn giao thông một cách tuyệt đối

**D. Đều khắc phục được những hạn chế của những phương tiện ra đời trước đó**

**Câu 5.** Ý tưởng sáng chế các phương tiện nêu trong văn bản cho thấy điều gì ở con người?

A. Sự chăm chỉ, cần cù

**B. Sự thông minh, sáng tạo**

C. Sự năng động, dũng cảm

D. Sự khéo léo, tinh tế

**Câu 6.** Tác dụng chính của các hình ảnh được đưa vào văn bản là gì?

A. Để trang trí, làm cho hình thức của văn bản đẹp hơn

B. Định hướng cách đọc văn bản cho người đọc

**C. Giúp người đọc dễ hình dung ra loại phương tiện đang được giới thiệu**

D. Giúp người đọc hình dung ra cách triển khai thông tin của văn bản

**Câu 7.** Từ nào**không** được coi là thuật ngữ trong lĩnh vực mà văn bản đề cập đến?

A. Tốc độ

**B. Thuật toán**

C. Siêu tốc

D. Phương tiện

**Câu 8.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về ngôn ngữ của văn bản?

A. Diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu

**B. Dùng nhiều biện pháp tu từ**

C. Sử dụng thuật ngữ thuộc lĩnh vực mà văn bản để cập

D. Chủ yếu sử dụng dạng câu trần thuật

***Gợi ý:***

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **ĐA** | **A** | **D** | **A** | **D** | **B** | **C** | **B** | **B** |

**II. Tự luận:**

**Câu 9**

Em học được những điều gì về cách trình bày bài văn thuyết minh từ văn bản trên?

**Gợi ý:**

Qua văn bản, em học được cách triển khai nội dung theo cách phân chia đối tượng thành từng loại từ khái quát đến cụ thể. Cách triển khai này giúp bài viết có lớp lang, trật tự và logic rõ ràng, qua đó người đọc có thể dễ dàng nắm bắt thông tin được nói tới.

**Câu 10**

Phương tiện giao thông mà em kì vọng trong tương lai là gì? Hãy nêu ngắn gọn đặc điểm và công dụng của phương tiện đó.

**HS tự làm**

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC BÀI 10**

- Học sinh hoàn thành việc tự đánh giá

**Câu 1 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 2)**: Tìm hiểu về các phương tiện giao thông phổ biến được sử dụng ở địa phương em. Trao đổi với người thân hoặc bạn bè về ưu điểm, nhược điểm của các phương tiện ấy.

**Trả lời:**

- Các phương tiện giao thông phổ biến được sử dụng ở địa phương em là: xe đạp, xe điện, xe máy, xe ô tô, tàu hỏa,..

- Ưu điểm:

+ Giúp con người di chuyển nhanh chóng, thuận tiện cho giao thông ở địa phương em hiện nay.

+ Giá thành trung bình, mẫu mã đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng sử dụng.

 Nhược điểm:

+ Gây tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường.

+ Người điều khiển các phương tiện cá nhân chưa cẩn thận gây ra những tai nạn nguy hiểm.

**Câu 2 (trang 94 sgk Ngữ văn lớp 7 Tập 2)**: Đọc thêm một số văn bản thông tin viết về các phương tiện giao thông, vấn đề an toàn giao thông,…ở Việt Nam và trên thế giới.

**Trả lời:**

- **Giao thông vận tải là 'thủ phạm' gây ô nhiễm không khí, tử vong sớm**

https://thanhnien.vn/giao-thong-van-tai-la-thu-pham-gay-o-nhiem-khong-khi-tu-vong-som-post1391313.html

- **Giao thông với môi trường**

https://sites.google.com/site/giaothongquanhem2017/giao-thong-van-tai-va-moi-truong

Bài tập về nhà:

- *Ghi lại lưu lại một số thông tin mà em cho là hữu ích để hiểu hơn về các văn bản em đã học ở Bài 10 từ nhiều nguồn khác nhau (Internet, sách báo…)*

*- Đọc thêm một số văn bản thông tin có cùng đề tài hoặc chủ đề với các văn bản đã học ở Bài 10. Với mỗi văn bản hãy ghi lại ngắn gọn điều mà em thích hoặc ấn tượng nhất.*

*- Chuẩn bị bài học mới: ôn tập và tự kiểm tra đánh giá cuối kì.*

**\*Giao bài, hướng dẫn học bài,làm bài và chuẩn bị bài tiếp theo**

- Hoàn thành các bài tập.

- Nắm được nội dung bài học.

- Chuẩn bị bài: Đọc lại bài kiểm tra cuối kì, tìm lỗi sai, cách sửa để chuẩn bị cho tiết trả bài.